Bản tin Khuyến nông Việt Nam

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 04 | 2026



Khuyến nông Việt Nam 1993

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP
ThS. Hoàng Văn Hồng
TS. Lê Minh Lịnh
TS. Huỳnh Kim Định
ThS. Cao Minh Tuấn
ThS. Đỗ Phan Tuấn
ThS. Nguyễn Bá Tiến
TS. Hoàng Tuyển Phương
ThS. Đặng Xuân Trường
TS. Nguyễn Đức Hải
ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP
ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 024. 3728 2485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số 26/GP-XBBT
ngày 22 tháng 6 năm 2026
Số lượng: 3.000 bản/số
Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Mùa thu hoạch Dứa.
Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và môi trường

1. Ứng phó El - Nino: chủ động tích nước, điều tiết nguồn nước từ sớm
2. Tôn vinh nông dân Việt Nam xuất sắc 40 năm đổi mới
4. Đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển lương thực, thực phẩm bền vững

Hoạt động khuyến nông

6. Tăng cường kết nối hợp tác Việt – Hàn, từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị vừng
8. Hợp tác khuyến nông - JICA: dấu ấn đổi mới tư duy sản xuất
10. Từ công nghệ mới đến giá trị gia tăng cho thủy sản Quảng Ninh
12. Tập huấn khuyến nông tiếp cận thị trường và liên kết tiêu thụ nông sản
14. Gỡ điểm nghẽn, mở hướng phát triển ngành hàng dê, cừu
16. Khuyến nông số Lào Cai - cầu nối công nghệ với người nông dân

Sự kiện khuyến nông

18. Mã số vùng trồng từ điều kiện xuất khẩu đến tổ chức lại sản xuất

Xây dựng nông thôn mới

20. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM, NTM hiện đại

Mô hình, điển hình tiên tiến

21. Được mùa hồng giòn Yên Du
22. Nghe nông dân miền Tây kể chuyện chuyển đổi xanh
24. Kiện toàn tổ chức cộng đồng nghề cá, tăng sức mạnh bảo vệ ngư trường
26. Từ đất đồi trồng keo đến vùng nguyên liệu dứa Queen
28. Hiệu quả mô hình nuôi ong lấy mật ở xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị
30. Bắc Ninh: Nuôi lợn an toàn, thu lãi tiền tỷ

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

31. Lựa chọn giống lúa thích ứng hạn, mặn vụ đông xuân 2026 - 2027 vùng đồng bằng sông Cửu Long
34. Kỹ thuật nuôi thuỷ sản thích ứng với hạn, mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long
37. Biện pháp phòng chống và kiểm soát Bệnh dịch tả lợn châu Phi
40. Các biện pháp tăng tỷ lệ nở đối với trứng gia cầm
42. Hệ thống lọc tuần hoàn trong nuôi trồng thủy sản
44. **Tin thị trường**



ỨNG PHÓ EL - NINO: CHỦ ĐỘNG TÍCH NƯỚC, ĐIỀU TIẾT NGUỒN NƯỚC TỪ SỚM

Theo Cục Quản lý tài nguyên nước, trước nguy cơ El – Nino làm suy giảm dòng chảy, hạ thấp mực nước sông và gia tăng xâm nhập mặn trong mùa khô 2026 – 2027, các lưu vực sông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cần chủ động tích trữ, điều hòa và phân phối nguồn nước ngay từ mùa lũ năm 2026.

Hiện tượng El - Nino đã hình thành và có khả năng đạt cường độ rất mạnh, tương đương hoặc cao hơn các đợt El – Nino năm 2015 - 2016 và 2019 - 2020. Tại Việt Nam, nhiệt độ trung bình được dự báo cao hơn bình thường, nắng nóng có xu hướng gia tăng, trong khi lượng mưa có khả năng thiếu hụt tại nhiều khu vực, đặc biệt từ cuối năm 2026 đến đầu năm 2027. Mùa mưa có khả năng kết thúc sớm, làm gia tăng nguy cơ hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn trong mùa khô 2026 - 2027.

Nhóm lưu vực sông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ gồm Bằng Giang - Kỳ Cùng, Hồng - Thái Bình, Mã và Cả có lợi thế tương đối lớn về hạ tầng thủy lợi và hồ chứa. Tuy nhiên, trước nguy cơ El – Nino tác động đến mùa khô 2026 - 2027, khu vực vẫn đứng trước những rủi ro đáng lưu ý đối với cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và phát điện.

Theo đánh giá, có khoảng 800.000 ha diện tích sản xuất nông nghiệp tại các lưu vực sông Hồng, Mã và Cả có nguy cơ chịu tác động của thiếu nước. Trong đó, sông Hồng khoảng 500.000 ha, sông Mã khoảng 102.000 ha và sông Cả khoảng 213.000 ha.

Đối với đồng bằng sông Hồng, yêu cầu nước phục vụ đổ ải vụ Đông Xuân thường tập trung trong khoảng thời gian ngắn. Tuy nhiên, nếu mực nước sông xuống thấp, các trạm bơm có thể gặp khó khăn trong việc lấy nước. Xâm nhập mặn tại khu vực hạ du cũng có khả năng ảnh hưởng đến các hệ thống thủy lợi tại Hải Phòng, Hưng Yên và Ninh Bình.

Các lưu vực sông Mã và Cả có hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh, có khả năng tiếp nhận và điều tiết nước từ các hồ chứa thượng lưu. Tuy nhiên, khi nguồn nước giảm, việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và điều chỉnh lịch thời vụ sẽ có ý nghĩa quan trọng trong duy trì khả năng cấp nước.

Trước nguy cơ El – Nino tác động đến mùa khô 2026 - 2027, giải pháp quan trọng là chủ động điều hòa, phân phối nguồn nước từ sớm, từ xa; chuẩn bị các phương án ứng phó ngay trong những tháng cuối năm 2026.

Các địa phương cần xây dựng phương án tích nước sớm tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện phù hợp với điều kiện từng lưu vực, ưu tiên cao nhất cho nước sinh hoạt. Các hồ chứa thuộc quy trình vận hành liên hồ cần được điều tiết linh hoạt, vừa bảo đảm an toàn công trình, an toàn hạ du và phòng, chống lũ, vừa tận dụng khả năng tích nước trong mùa lũ cho mùa cạn năm 2027. Rà soát diện tích có nguy cơ thiếu nước, chủ động điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng và lịch lấy nước theo khả năng nguồn nước thực tế; ưu tiên nguồn nước cho những vùng sản xuất có giá trị kinh tế cao và hạn chế bố trí sản xuất ở những khu vực không bảo đảm nguồn nước.

BBT

TÔN VINH NÔNG DÂN VIỆT NAM XUẤT SẮC 40 NĂM ĐỔI MỚI



Ngày 12/10/2026 tại Hà Nội diễn ra Lễ tôn vinh và trao danh hiệu Nông dân Việt Nam xuất sắc 40 năm Đổi mới do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chủ trì, Báo Nông thôn Ngày nay/ Điện tử Dân Việt phối hợp với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền tổ chức. Lễ tôn vinh được truyền hình trực tiếp trên kênh VTV2 - Đài truyền hình Việt Nam.

Ban tổ chức Chương trình cho biết, năm 2026 trong số 127 hồ sơ được đề cử từ Hội Nông dân 34 tỉnh, thành phố trên cả nước, căn cứ tiêu chuẩn Hội đồng bình chọn Chung khảo đã họp và bình chọn được 96 gương mặt nhà nông tiêu biểu nhất để tôn vinh, trao danh hiệu "Nông dân Việt Nam xuất sắc 40 năm Đổi mới" theo 5 nhóm chính gồm: Nhóm 1: Nông dân xuất sắc trong chuyển đổi số và thương mại điện tử; Nhóm 2: Nông dân tiêu biểu trong xây dựng nông thôn mới và bảo vệ an ninh tổ quốc; Nhóm 3: Nông dân tiêu biểu trong liên kết và sản xuất xanh; Nhóm 4: Nông dân tiêu biểu trong sáng chế và tiên phong ứng dụng khoa học công nghệ; Nhóm 5: Nông dân tỷ phú và tiên phong hội nhập quốc tế.

Phát biểu tại Lễ tôn vinh, đồng chí Lương Quốc Đoàn - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Chủ tịch BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam cho biết: Chương trình có ý nghĩa đặc biệt, ghi dấu mốc lịch sử 40 năm tiến hành công cuộc Đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; góp phần khẳng định vai trò và đóng góp quan trọng của giai cấp nông dân Việt Nam trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, mà đổi mới đầu tiên có vai trò nền tảng vững chắc là đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

96 nhà nông được tôn vinh là những gương mặt tiêu biểu, xuất sắc nhất đại diện cho tinh thần đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, nỗ lực vượt khó vươn lên làm giàu cho bản thân, gia đình và đóng góp tích cực cho xã hội. Những thành quả của họ là biểu tượng sinh động cho khát vọng vươn lên của người nông dân Việt Nam trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc". Đây sẽ là là những ngọn cờ đầu, hạt nhân lan tỏa tinh thần



Đc Lương Quốc Đoàn - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Chủ tịch BCH Trung ương Hội NDVN và Đc Thượng tướng Lê Văn Tuyến - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an chủ trì diễn đàn

vượt khó, sáng tạo, nhiệt huyết để truyền cảm hứng cho nông dân cả nước cùng hành động, cùng bứt phá đi lên làm giàu chính đáng.

Trải qua 40 năm Đổi mới, hình ảnh người nông dân Việt Nam đã có nhiều thay đổi, đó là hình ảnh một thế hệ những người nông dân mới, dám nghĩ, dám làm, chủ động sáng tạo, tiên phong trong chuyển đổi số, ứng dụng quy trình số hóa từ sản xuất đến kinh doanh, ứng dụng thương mại điện tử trong quảng bá và tiêu thụ nông sản. Họ là người "nông dân số" - những người biến điện thoại thông minh thành một "nông cụ" hữu ích; biến không gian mạng thành "chợ", "siêu thị", mở đường đưa nông sản Việt đến khắp mọi miền, vươn ra thế giới. Bắt nguồn từ chính thực tiễn đồng ruộng, chính sự sáng tạo, tìm tòi của người nông dân đã cho ra đời biết bao sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và phát minh sáng chế độc đáo mang tính ứng dụng cao, giúp giải phóng sức lao động, giảm thiểu chi phí và nâng cao năng suất vượt bậc, đóng góp trực tiếp vào công cuộc hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước nhà. Đó chính là minh chứng sống động nhất cho trí tuệ, sự nhạy bén và bàn tay tài hoa của người nông dân Việt Nam hôm nay.

Tại Lễ tôn vinh, đồng chí Hồ Quốc Dũng - Ủy viên TƯ Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam khẳng định: 96 gương mặt nông dân tiêu biểu được tôn vinh có thể chưa phải là đại diện đầy đủ cho gần 18 triệu lao động trong nông nghiệp và trên 60 triệu người dân sinh sống ở khu vực nông thôn nhưng đây là tập hợp của những câu chuyện thành công điển hình về ý chí, khát vọng vươn lên trong thực tế lao động, sản xuất. Bước vào kỷ nguyên mới, chính bàn tay, khối óc và tình yêu đất mẹ của người Nông dân sẽ tiếp tục đồng hành cùng dân tộc, vẽ nên bức tranh một Việt Nam thịnh vượng, kiêu hãnh và rạng rỡ.

Trong suốt 40 năm qua, người nông dân Việt Nam đã đóng vai trò tiên phong, mở đầu cho quá trình Đổi mới và gặt hái được nhiều thành quả quan trọng trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mỗi người nông dân hôm nay không chỉ gánh vác sứ mệnh thi đua lao động, làm chủ khoa học công nghệ và chuyển đổi số, nắm bắt được biến động thị trường mà còn mang trên vai trách nhiệm kiến tạo một nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

THÚY HIỀN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



Chị Bùi Thị Hiếu - Giám đốc HTX Sản xuất và tiêu thụ nông sản sạch Viên Sơn, Hà Nội - Nông dân Việt Nam xuất sắc năm 2025 đặt câu hỏi tại diễn đàn

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM BỀN VỮNG



Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp phát biểu tại Hội nghị

Ngày 15/10/2026, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) tổ chức Hội nghị Ngày Lương thực thế giới năm 2026 và tăng cường hợp tác triển khai Đề án "Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030". Hội nghị là diễn đàn trao đổi về đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hợp tác và chuyển đổi phương thức sản xuất, hướng tới hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững, đồng thời tăng cường phối hợp thực hiện Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao.



Tiến sĩ Vinod Ahuja, Trưởng đại diện FAO tại Việt Nam



TS. Nguyễn Thị Hải - TTKNQG được vinh danh phụ nữ Việt Nam tiêu biểu tại sự kiện

Hội nghị có sự tham dự của gần 200 đại biểu đại diện các cơ quan Trung ương, địa phương, cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển, viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Trần Trung Tính và Tiến sĩ Vinod Ahuja, Trưởng đại diện FAO tại Việt Nam đồng chủ trì Hội nghị.

Với chủ đề "Sáng tạo cho ngày mai đủ đầy", Ngày Lương thực thế giới năm 2026 nhấn mạnh yêu cầu đưa đổi mới sáng tạo vào thực tiễn, góp phần xây dựng hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và cải thiện sinh kế cho người sản xuất.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, áp lực về tài nguyên và yêu cầu ngày càng cao của thị trường, phát triển nông nghiệp không chỉ hướng đến nâng cao sản lượng mà còn phải chú trọng chất lượng, hiệu quả kinh tế, giảm tác động đến môi trường và tăng khả năng thích ứng. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân; đồng thời thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và các sáng kiến phù hợp với điều kiện thực tế.

Gắn với thông điệp đổi mới sáng tạo vì một tương lai đủ đầy, hội nghị dành thời gian cập nhật tiến độ, định hướng và nhu cầu nguồn lực triển khai Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn 2026–2030. Đây là sáng kiến trọng tâm nhằm chuyển đổi ngành hàng lúa gạo theo hướng nâng cao chất lượng, giảm phát thải và tăng trưởng xanh. Ý nghĩa của Đề án không chỉ nằm ở mục tiêu diện tích mà còn ở sự thay đổi trên quy mô lớn về phương thức canh tác, sử dụng giống và vật tư, ứng dụng khoa học – công nghệ, tổ chức sản xuất, nâng cao vai trò của hợp tác xã và nông dân, tăng cường liên kết với doanh nghiệp, phát triển chuỗi giá trị và huy động nguồn lực cho chuyển đổi xanh.

Tại hội nghị, các đại biểu trao đổi về những vấn đề then chốt trong quá trình triển khai, gồm đổi mới kỹ thuật và công nghệ, liên kết chuỗi, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường, tài chính xanh, nâng cao năng lực cộng đồng và phát huy vai trò của phụ nữ, thanh niên trong đổi mới sáng tạo nông nghiệp. Các ý kiến nhấn mạnh, hiệu quả của Đề án cần được đánh giá toàn diện, không chỉ qua diện tích thực hiện mà còn qua chất lượng và giá trị hạt gạo, hiệu quả sản xuất, thu nhập của nông dân, mức giảm phát thải có thể kiểm chứng và sức cạnh tranh lâu dài của ngành hàng.

Bà Kate Wallace, Tổng Lãnh sự Australia, khẳng định cam kết hỗ trợ của Chính phủ Australia đối với việc triển khai Đề án 1 triệu héc-ta lúa chất lượng cao, phát thải thấp. Một trong những hoạt động hỗ trợ tiêu biểu là Dự án Chuyển đổi chuỗi giá trị lúa gạo thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững tại Đồng bằng sông Cửu Long (TRVC), do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) hỗ trợ thông qua SNV Việt Nam. Dự án đang ghi nhận những kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy chuyển đổi phương thức sản xuất lúa gạo theo hướng bền vững. Với khoảng 240.000 ha áp dụng quy trình canh tác quy trình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, Dự án TRVC đóng góp trực tiếp vào quá trình triển khai Đề án. Những kinh nghiệm từ dự án là cơ sở quan trọng để hoàn thiện và nhân rộng các mô hình sản xuất lúa gạo chất lượng cao, phát thải thấp.

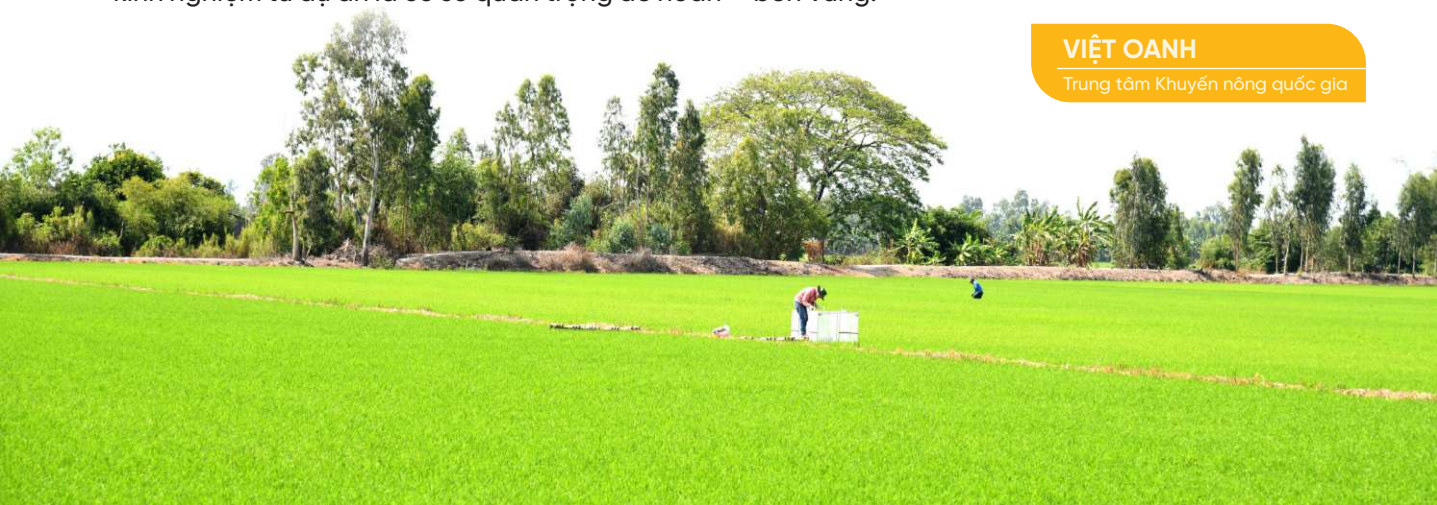
Việc triển khai Đề án đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan quản lý, địa phương, tổ chức khoa học, đối tác phát triển, doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất. Bên cạnh hỗ trợ kỹ thuật, cần tiếp tục huy động nguồn lực tài chính, thúc đẩy liên kết sản xuất – tiêu thụ và nâng cao năng lực tổ chức sản xuất của hợp tác xã. Đặc biệt, nông dân cần được tham gia thực chất vào quá trình chuyển đổi, được tiếp cận tiến bộ kỹ thuật và hưởng lợi từ những giá trị gia tăng mà phương thức sản xuất bền vững mang lại.

Trong khuôn khổ hội nghị, 10 phụ nữ Việt Nam tiêu biểu trong hệ thống nông nghiệp – thực phẩm và phát triển nông thôn đã được vinh danh, ghi nhận những đóng góp thiết thực trong sản xuất, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, quản lý và phát triển cộng đồng.

Trong lĩnh vực khuyến nông, TS. Nguyễn Thị Hải, Trưởng phòng Khuyến nông Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông quốc gia, được vinh danh với những đóng góp trong phát triển chăn nuôi bền vững và hỗ trợ nông dân phục hồi sản xuất sau thiên tai. Việc vinh danh TS. Nguyễn Thị Hải không chỉ ghi nhận những nỗ lực của cá nhân bà mà còn thể hiện vai trò của lực lượng khuyến nông trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả và đồng hành cùng nông dân trước những rủi ro do thiên tai, dịch bệnh. Qua đó, khẳng định đóng góp của đội ngũ cán bộ khuyến nông trong phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao năng lực sản xuất và bảo đảm sinh kế cho người dân.

Hội nghị Ngày Lương thực thế giới năm 2026 góp phần kết nối thông điệp đổi mới sáng tạo với những hành động cụ thể trong phát triển nông nghiệp. Từ chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm đến tăng cường hợp tác triển khai Đề án 1 triệu héc-ta lúa và ghi nhận đóng góp của những phụ nữ tiêu biểu, các nội dung tại hội nghị cùng hướng đến mục tiêu nâng cao giá trị nông sản, bảo vệ môi trường và xây dựng nền nông nghiệp bền vững.

VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia





TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI HỢP TÁC VIỆT – HÀN, TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN CHUỖI GIÁ TRỊ VỪNG

Trong khuôn khổ Dự án hỗ trợ kỹ thuật "Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vừng tại Việt Nam" do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ, từ ngày 5 đến 10/10/2026, Đoàn công tác Trung tâm Khuyến nông quốc gia do ông Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm, làm Trưởng đoàn đã có chuyến khảo sát, trao đổi kinh nghiệm tại Hàn Quốc.

Tham gia đoàn có đại diện Bộ Nông nghiệp và Môi trường, lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông hai tỉnh Nghệ An và Đồng Tháp, cùng đại diện doanh nghiệp, hợp tác xã và các cán bộ trực tiếp quản lý, điều phối Dự án. Chuyến công tác không chỉ giúp đoàn tiếp cận các mô hình thực tiễn mà còn tạo cơ hội tìm hiểu cách Hàn Quốc tổ chức sản xuất, phát triển thị trường và gia tăng giá trị cho ngành hàng có nhiều điểm tương đồng với cây vừng ở Việt Nam.

Đây là hoạt động quan trọng trong kế hoạch nâng cao năng lực của Dự án, góp phần tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, mở rộng hợp tác và từng bước hoàn thiện chuỗi giá trị vừng tại Việt Nam.

Điểm nổi bật của chương trình là cách tiếp cận toàn diện, khảo sát xuyên suốt chuỗi giá trị ngành hàng, từ nghiên cứu, sản xuất đến chế biến, tiêu thụ và phát triển thị trường, thay vì chỉ tập trung vào từng mô hình riêng lẻ. Cách tiếp cận này cũng là định hướng Dự án đang triển khai tại Nghệ An và Đồng Tháp, nhằm phát triển cây vừng gắn với chế biến, liên kết sản xuất và nâng cao giá trị gia tăng, thay vì chỉ chú trọng tăng năng suất.



Chuyến công tác mở ra cơ hội để hợp tác xã, doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản

Đoàn đã làm việc với Trung tâm Nghiên cứu và Khuyến nông tỉnh Chungcheongbuk, đơn vị tiêu biểu của Hàn Quốc trong nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và tổ chức hệ thống khuyến nông địa phương. Qua trao đổi, các thành viên có dịp tìm hiểu cách kết nối nghiên cứu khoa học với hoạt động khuyến nông và nhu cầu thực tiễn của người sản xuất; đồng thời chia sẻ kinh nghiệm chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nông dân và hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi.

Bên cạnh đó, đoàn khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp chế biến nông sản, trong đó có Công ty TNHH Food & Seed và Công ty KOMEGA, tìm hiểu công nghệ ép dầu, chế biến sâu, kiểm soát chất lượng, phát triển sản phẩm và liên kết vùng nguyên liệu với doanh nghiệp. Những kinh nghiệm này có ý nghĩa thiết thực đối với việc xây dựng, vận hành Mô hình trình diễn chế biến nông sản (APC) của Dự án tại Nghệ An và Đồng Tháp, được kỳ vọng góp phần nâng cao giá trị ngành hàng vừng.

Một kết quả đáng chú ý của chuyến công tác là việc ký kết 3 biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) giữa Hiệp hội Vừng và Tía tô Hàn Quốc, Công ty KOMEGA, Công ty Orange Food System với Đơn vị Tư vấn quản lý Dự án (PMC) và Hợp tác xã chế biến nông sản, thực phẩm và nhân giống cây trồng Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Các thỏa thuận tập trung vào phát triển vùng nguyên liệu, chuyển giao kỹ thuật, hợp tác chế biến, xúc tiến thương mại và kết nối thị trường, mở ra cơ hội để hợp tác xã, doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị nông sản. Thông qua các cuộc trao đổi, đoàn cũng tiếp cận thêm kinh nghiệm của Hàn Quốc trong phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ. Đây là cơ sở thực tiễn để các địa phương, hợp tác xã Việt Nam nghiên cứu, vận dụng phù hợp, đồng thời thúc đẩy quan hệ hợp tác lâu dài giữa các bên.

Trong khuôn khổ chuyến công tác, đoàn đã làm việc với Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để trao đổi về tình hình hợp tác nông nghiệp giữa hai nước, định hướng phát triển Dự án và khả năng mở rộng kết nối với doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức của Hàn Quốc. Đại diện Đại sứ quán đánh giá cao cách tiếp cận lấy nông dân, hợp tác xã và hệ thống khuyến nông làm trung tâm; đồng thời khẳng định sẽ tiếp tục hỗ trợ kết nối đối tác, thúc đẩy xúc tiến thương mại và quảng bá nông sản Việt Nam tại thị trường Hàn Quốc.

Đối với Trung tâm Khuyến nông quốc gia, giá trị của chuyến công tác không chỉ nằm ở những mô hình được khảo sát hay các thỏa thuận được ký kết, mà còn ở những kinh nghiệm thực tiễn và mối quan hệ hợp tác được thiết lập, tạo nền tảng cho quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam.

Những kết quả thu được sẽ từng bước được vận dụng vào quá trình triển khai Dự án tại Nghệ An và Đồng Tháp, từ phát triển vùng nguyên liệu, hoàn thiện mô hình trình diễn chế biến nông sản (APC) đến nâng cao năng lực cho hệ thống khuyến nông, hợp tác xã và nông dân, đồng thời tăng cường liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị. Đặc biệt, kinh nghiệm của Hàn Quốc trong tổ chức sản xuất, kết nối thị trường và hợp tác công – tư sẽ góp phần gợi mở những cách làm phù hợp, nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông tại Việt Nam.

Hợp tác quốc tế chỉ thực sự phát huy giá trị khi tri thức được chia sẻ trở thành động lực đổi mới tại cơ sở, còn những mối quan hệ được thiết lập tiếp tục tạo cơ hội phát triển cho nông dân và hợp tác xã sau khi Dự án kết thúc. Với định hướng đó, Dự án "Nâng cao năng suất và tăng cường chuỗi giá trị vừng tại Việt Nam" không chỉ hướng tới nâng cao năng suất, gia tăng giá trị cây vừng mà còn góp phần xây dựng mô hình hợp tác phát triển bền vững, trong đó khuyến nông đóng vai trò cầu nối giữa tri thức quốc tế và thực tiễn sản xuất, đưa kinh nghiệm tiên tiến vào phục vụ sản xuất nông nghiệp Việt Nam.



DIỆU HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

HỢP TÁC KHUYẾN NÔNG - JICA: DẤU ẤN ĐỔI MỚI TƯ DUY SẢN XUẤT



Ngày 16/10/2026, tại Hà Nội, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức Hội nghị tổng kết Dự án "Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam".

Triển khai tại 6 địa phương gồm Hà Nội, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Phòng, Sơn La và mở rộng hoạt động tới Thái Nguyên, Phú Thọ, sau 4 năm (2022–2026), dự án đã góp phần chuyển đổi cách tiếp cận của hệ thống khuyến nông: từ hỗ trợ kỹ thuật sang đồng hành cùng nông dân tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường.

Ông Trần Thế Công, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế đánh giá, dự án không chỉ hướng dẫn kỹ thuật mà còn giúp các hợp tác xã (HTX) đổi mới cách tổ chức sản xuất. Thông qua tập huấn và áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt, các HTX từng bước nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng, sử dụng vật tư đầu vào hợp lý và tổ chức sản xuất an toàn, đồng đều hơn.

Ông Ikeda Hiroyuki, Phó Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam, cho rằng thay đổi quan trọng nhất là người sản xuất chuyển từ quyết định dựa trên kinh nghiệm, điều kiện sẵn có sang căn cứ vào nhu cầu thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, sản lượng và thời điểm cung ứng. Cách tiếp cận này giúp HTX chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, hạn chế tình trạng cung vượt cầu hoặc sản phẩm thiếu đầu ra.


Dự án giúp nâng cao năng lực quản lý cho hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân

Chia sẻ về kết quả dự án, PGS.TS. Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, nhấn mạnh: Dự án không chỉ quan tâm đến sản phẩm mà còn chú trọng cách thức tạo ra sản phẩm, lấy người nông dân làm chủ thể. Thông qua nâng cao năng lực, nhận thức và tư duy, dự án giúp người sản xuất tiếp cận công nghệ phù hợp, nâng cao trách nhiệm với chất lượng nông sản và người tiêu dùng, từng bước chuyển sang tư duy kinh tế nông nghiệp chuyên nghiệp.

Kết quả tại các địa phương thụ hưởng và mở rộng dự án cho thấy những chuyển biến rõ nét:

Tỷ lệ HTX áp dụng quy trình GAP cơ bản hoặc VietGAP tăng từ 72% lên 92%; diện tích sản xuất an toàn tăng 44,4%, đạt 752 ha.

Lợi nhuận gộp bình quân trên một đơn vị diện tích tăng 14,1%, vượt mục tiêu 10%.

Gần 72% HTX mở rộng thành công kênh bán hàng, số kênh phân phối trung bình tăng từ 4,9 lên 7,7; tỷ lệ bán hàng tập trung đạt 94,9%.

Tại HTX Rau quả sạch Chúc Sơn (Hà Nội) và HTX Rau an toàn Liên Ấp (Bắc Ninh), sự hỗ trợ của chuyên gia JICA và cán bộ khuyến nông đã giúp các HTX chủ động khảo sát thị trường, lập kế hoạch gieo trồng theo hợp đồng, ứng dụng phần mềm FaceFarm và mã QR truy xuất nguồn gốc, đưa nông sản vào chuỗi siêu thị, trường học và nhà máy chế biến. Dự án đồng thời đào tạo 191 cán bộ khuyến nông nòng cốt (ToT), tạo nguồn lực tiếp tục lan tỏa phương pháp và kinh nghiệm triển khai.

Một trong những kết quả nổi bật của dự án là đưa phương pháp khuyến nông định hướng thị trường Viet-SHEP vào thực tiễn, giúp nông dân và HTX chuyển từ tư duy "sản xuất những gì mình có" sang "sản xuất những gì thị trường cần".

SHEP (Smallholder Horticulture Empowerment and Promotion – Dự án Nâng cao năng lực và Phát triển nông dân trồng rau quy mô nhỏ) là phương pháp khuyến nông định hướng thị trường do JICA phát triển và triển khai tại nhiều quốc gia. Khi áp dụng tại Việt Nam, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với chuyên gia JICA điều chỉnh, "Việt hóa" thành Viet-SHEP, phù hợp với tập quán canh tác và điều kiện thực tế của nông dân, HTX.

Đánh giá những giá trị dự án để lại, PGS.TS. Lê Quốc Thanh nhấn mạnh hai kết quả quan trọng.

Thứ nhất, hình thành đội ngũ cán bộ và người sản xuất có năng lực chuyên môn, quản lý và khả năng thuyết phục, đủ sức duy trì, phát triển và nhân rộng những kết quả đã đạt được. Đây chính là "sản phẩm sống" của dự án.

Thứ hai, việc chuyển giao bộ tài liệu Viet-SHEP cho các địa phương không đơn thuần là bàn giao sản phẩm, mà còn là chuyển giao trách nhiệm cho hệ thống khuyến nông Việt Nam tiếp tục sử dụng, hoàn thiện và nhân rộng phương pháp. Những kết quả đạt được sẽ là cơ sở xây dựng các kế hoạch và định hướng hoạt động khuyến nông trong thời gian tới.

Để duy trì và nhân rộng những kết quả đạt được, Trung tâm Khuyến nông quốc gia tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm:

Đưa Viet-SHEP vào chương trình đào tạo chính thức: Chuẩn hóa phương pháp, lồng ghép vào các chương trình đào tạo, tập huấn khuyến nông định kỳ và huy động nguồn kinh phí trung ương, địa phương để triển khai.

Duy trì liên kết sản xuất – thị trường: Phối hợp với hệ thống khuyến nông địa phương tiếp tục thực hiện khảo sát thị trường, lập kế hoạch gieo trồng và tiếp thị, sản xuất theo VietGAP, bán hàng tập trung và tiếp nhận phản hồi từ bên mua.

Nhân rộng mô hình có chọn lọc: Căn cứ năng lực quản trị và điều kiện thực tế của từng HTX để lựa chọn phương thức hỗ trợ phù hợp, nâng cao tính tự chủ của người sản xuất.

Mở rộng kết nối: Thúc đẩy liên kết giữa khuyến nông, HTX và doanh nghiệp trong, ngoài nước; gắn hoạt động khuyến nông với nông nghiệp xanh, chuyển đổi số, giảm phát thải và ứng dụng công nghệ cao.

Sau 4 năm triển khai, dự án đã góp phần định hình cách tiếp cận khuyến nông theo hướng hiện đại, lấy thị trường làm định hướng và người sản xuất làm chủ thể. Với tinh thần "Dự án kết thúc – Phương pháp tiếp tục – Năng lực duy trì", hệ thống khuyến nông sẽ tiếp tục phát huy kết quả, nâng cao năng lực đội ngũ và đồng hành cùng nông dân tổ chức sản xuất chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu thị trường, hướng tới nền nông nghiệp xanh, an toàn và bền vững.

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia





TỪ CÔNG NGHỆ MỚI ĐẾN GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO THỦY SẢN QUẢNG NINH

Từ ứng dụng công nghệ enzyme trong chế biến mực đến nuôi cá song bằng lồng HDPE theo quy trình VietGAP, hai dự án khuyến nông Trung ương tại Quảng Ninh đang cho thấy hiệu quả bước đầu trong nâng cao giá trị sản phẩm, cải thiện hiệu quả sản xuất và thúc đẩy phát triển thủy sản theo hướng bền vững. Đáng chú ý, tiến bộ kỹ thuật đã từng bước được đưa vào sản xuất thực tế, gắn với nhu cầu thị trường.

Tại Hợp tác xã Sản xuất Nước mắm Nam Hải, phường Uông Bí, công nghệ enzyme được ứng dụng trong chế biến chả mực, mở ra hướng khai thác hiệu quả hơn nguồn nguyên liệu mực có giá trị thấp. Đến cuối tháng 9/2026, hợp tác xã đã sản xuất khoảng 2,1 tấn chả mực ứng dụng enzyme, vượt 0,7 tấn so với kế hoạch ban đầu là 1,4 tấn/năm, tương đương 150% kế hoạch. Theo thông tin ghi nhận tại mô hình, doanh thu của hợp tác xã tăng khoảng 20%/năm sau khi đưa sản phẩm mới ra thị trường.

Công nghệ enzyme kết hợp kiểm soát nhiệt độ, thời gian, tỷ lệ enzyme và công đoạn tạo gel giúp khắc phục một phần nhược điểm về độ cứng, vị chát của nguyên liệu mực giá trị thấp, đồng thời cải thiện độ dai, giòn và chất lượng sản phẩm. Với nguyên liệu mực giá 40.000 - 50.000 đồng/kg, chế biến sâu tạo cơ hội phát triển chả mực ở phân khúc 200.000 - 400.000 đồng/kg, qua đó gia tăng giá trị nguyên liệu và mở rộng thị trường.

Cùng tham gia Dự án khuyến nông Trung ương "Ứng dụng công nghệ enzyme trong sản xuất, chế biến một số sản phẩm từ mực gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm", Công ty TNHH Thanh Tùng Vân Đồn cũng đã tiếp nhận và tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ từ tháng 8/2026. Trong hai



Công nghệ enzyme được ứng dụng trong chế biến chả mực

tháng 8 và 9/2026, cơ sở sản xuất khoảng 600 kg chả mực ứng dụng enzyme, với công suất đạt 20 - 30 kg/ngày trong những ngày tổ chức sản xuất. Sản phẩm hiện được tiêu thụ tại Nhà hàng BOSA Thái Bình Dương của doanh nghiệp; cơ sở đang hoàn thiện kiểm nghiệm và hồ sơ công bố để mở rộng thị trường trong tháng 10/2026.

Kết quả tại hai cơ sở cho thấy giá trị của dự án không chỉ nằm ở việc hoàn thiện quy trình kỹ thuật mà còn ở khả năng đưa công nghệ vào sản xuất thực tế. Việc các cơ sở chủ động bố trí nguyên liệu, nhân công và tổ chức tiêu thụ sản phẩm là tín hiệu tích cực cho thấy công nghệ có khả năng tiếp tục được duy trì sau chuyển giao.

Nếu công nghệ enzyme tạo thêm giá trị ở khâu chế biến thì tại khu nuôi biển Tây Hoi, đặc khu Vân Đồn, Dự án "Xây dựng mô hình nuôi cá song (mú trân châu) bằng lồng HDPE trên biển đạt chứng nhận VietGAP gắn với tiêu thụ sản phẩm" hướng đến nâng cao hiệu quả từ khâu nuôi thương phẩm.

Năm 2026, mô hình tại Quảng Ninh triển khai trên quy mô 220,5 m^2, với 4.410 con cá song giống được thả nuôi. Dự án hỗ trợ 4.630,5 kg thức ăn công nghiệp cùng 298,9 lít/kg chế phẩm, vật tư sinh học theo kế hoạch. Con giống có kích cỡ 12 - 15 cm/con, khỏe mạnh và có chứng nhận kiểm dịch.

Đến hết tháng 9/2026, đàn cá sinh trưởng tốt, tỷ lệ sống dự kiến đạt khoảng 86%, trọng lượng 650 - 700 g/con. Kết quả bước đầu cho thấy việc áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật góp phần cải thiện công tác chăm sóc, quản lý đàn cá và kiểm soát môi trường nuôi, thay vì chỉ thay đổi vật liệu làm lồng.

Với đặc tính dẻo, bền, chống ăn mòn và thích ứng tốt hơn với sóng gió, lồng HDPE tạo điều kiện nâng cao độ bền hệ thống nuôi, từng bước cơ giới hóa các khâu vệ sinh lồng, cho ăn và quản lý đàn cá. Tuy nhiên, chi phí đầu tư vẫn là rào cản khi nhân rộng. Theo đại diện cơ sở nuôi, một ô lồng HDPE kích thước 4 x 4 m có giá khoảng 100 triệu đồng, trong khi lồng gỗ truyền thống chỉ khoảng 10 - 15 triệu đồng/ô. Do đó, người nuôi có thể chuyển đổi từng phần sau mỗi vụ, phù hợp với khả năng tài chính, thay vì thay thế toàn bộ hệ thống trong một lần.

Hiệu quả kinh tế của mô hình cũng cho thấy những tín hiệu tích cực. Dự án được triển khai giai đoạn 2025 - 2027 tại Hải Phòng và Quảng Ninh, với tổng kinh phí 3,8669 tỷ đồng. Năm 2025, tổng lợi nhuận của mô hình đạt 635,56 triệu đồng, cao hơn khoảng 69,8% so với mức 374,287 triệu đồng ngoài mô hình. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư đạt 34,65%, so với 26,58% của phương thức đối chứng. Chi phí sản xuất 1 kg cá thương phẩm trong mô hình là 170.800 đồng, thấp hơn mức 181.600 đồng/kg ngoài mô hình.



Đoàn công tác của Trung tâm Khuyến nông quốc gia kiểm tra mô hình nuôi cá song tại khu nuôi biển Tây Hoi, đặc khu Vân Đồn

Riêng điểm mô hình tại Quảng Ninh, tổng thu năm 2025 đạt khoảng 1,258 tỷ đồng, lợi nhuận 340,868 triệu đồng, cao hơn lợi nhuận ngoài mô hình khoảng 143,3 triệu đồng, tương đương tăng 72,5%. Những kết quả này cho thấy việc áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật có thể cải thiện hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận, đồng thời giảm chi phí sản xuất.

Đầu tháng 10/2026, đoàn công tác của Trung tâm Khuyến nông quốc gia do ông Hoàng Văn Hồng, Phó Giám đốc Trung tâm, làm trưởng đoàn đã kiểm tra, đánh giá và tổ chức thông tin, truyền thông về các mô. Theo ông Hoàng Văn Hồng, hệ thống khuyến nông sẽ tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa cơ quan quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; lựa chọn những mô hình có hiệu quả để hoàn thiện, truyền thông và nhân rộng.

Thực tế từ hai dự án cho thấy, khuyến nông không chỉ mang lại hiệu quả có thể đo đếm bằng sản lượng, doanh thu hay lợi nhuận, mà còn tạo điều kiện để người dân tiếp cận công nghệ mới thông qua đào tạo, tập huấn và hỗ trợ nguồn lực ban đầu. Ở hai khâu khác nhau của chuỗi giá trị thủy sản, công nghệ enzyme góp phần nâng giá trị nguyên liệu thông qua chế biến sâu, trong khi lồng HDPE kết hợp VietGAP hướng đến nâng cao hiệu quả và tính bền vững của nuôi biển. Thông qua chuyển giao tiến bộ kỹ thuật gắn với tổ chức sản xuất và nhu cầu thị trường, các dự án từng bước tạo động lực để người sản xuất đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao giá trị thủy sản Quảng Ninh.

BẢO TOÀN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Học viên thảo luận nhóm



Học viên tham quan mô hình nuôi dúi



TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VÀ LIÊN KẾT TIÊU THỤ NÔNG SẢN



Mô hình liên kết sản xuất dưa lưới tại thôn Mý, xã Vị Xuyên

Tiếp nối các hoạt động đào tạo, huấn luyện nhằm nâng cao năng lực tiếp cận thị trường, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị và liên kết tiêu thụ nông sản, từ ngày 23–25/9/2026, tại Tuyên Quang, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang tổ chức lớp tập huấn "Tiếp cận thị trường và liên kết tiêu thụ nông sản". Chương trình hướng tới trang bị kiến thức, kỹ năng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ nông dân tổ chức sản xuất gắn với nhu cầu thị trường.

Phát biểu khai mạc lớp tập huấn, ông Hoàng Hồng Trường, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Tuyên Quang nhấn mạnh, thị trường không chỉ là nơi tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch mà còn định hướng toàn bộ quá trình tổ chức sản xuất. Nắm bắt nhu cầu của người mua về chất lượng, quy cách, sản lượng, thời điểm cung ứng và giá cả sẽ giúp người sản xuất chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất, tiêu thụ nông sản.

Theo ông Hoàng Hồng Trường, cán bộ khuyến nông hiện nay không chỉ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mà còn cần phát huy vai trò cầu nối giữa sản xuất và thị trường; hỗ trợ nông dân, hợp tác xã tiếp cận thông tin, nhận diện khách hàng, lựa chọn kênh tiêu thụ và kết nối với doanh nghiệp. Đây là yêu cầu thiết thực trong quá trình chuyển từ tư duy "sản xuất cái mình có" sang tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường.

Trong ba ngày tập huấn, học viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về đặc điểm thị trường nông sản; thu thập, phân tích thông tin thị trường; khảo sát người mua và điểm bán; phân tích khách hàng, đối thủ, kênh tiêu thụ; xây dựng hồ sơ sản phẩm và tiếp cận người mua. Chương trình cũng đi sâu

vào kỹ năng thúc đẩy liên kết, đàm phán, xây dựng và quản lý hợp đồng, chia sẻ lợi ích và rủi ro giữa các bên.

Điểm đáng chú ý là chương trình được thiết kế theo hướng tăng cường thực hành, gắn kiến thức với những tình huống cụ thể. Học viên thực hành về kênh tiêu thụ nông sản, xây dựng hồ sơ thông tin thị trường, lập bản đồ các tác nhân trong chuỗi liên kết, mô phỏng đàm phán, phân tích hợp đồng và xây dựng kế hoạch hành động 90 ngày. Qua đó, học viên có thể vận dụng kiến thức vào công tác tư vấn, hỗ trợ tổ chức sản xuất và kết nối tiêu thụ tại cơ sở.

Một nội dung mới được chú trọng là hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu thị trường nông sản. Công cụ này được giới thiệu nhằm hỗ trợ thu thập, hệ thống hóa và phân tích thông tin, xây dựng câu hỏi khảo sát, chuẩn bị nội dung phỏng vấn người mua và xử lý dữ liệu. Tuy nhiên, học viên cũng được lưu ý rằng thông tin do AI cung cấp cần được kiểm chứng bằng nguồn chính thức và khảo sát thực tế. Việc sử dụng công nghệ chỉ thực sự hiệu quả khi thông tin được xác minh, làm cơ sở cho tư vấn và quyết định sản xuất, kinh doanh.

Thông qua các tình huống liên quan đến chè, lợn bản địa, gà đặc sản và một số sản phẩm nông nghiệp khác, học viên được hướng dẫn phân tích yêu cầu thị trường đối với từng nhóm sản phẩm, từ sản lượng, chất lượng, lịch cung ứng đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, sơ chế, chế biến, vận chuyển và điều kiện giao dịch. Chương trình đồng thời nhấn mạnh, có người mua chưa đồng nghĩa với việc đã hình thành thị trường ổn định. Để duy trì liên kết bền vững, các bên cần thống nhất về tiêu chuẩn sản phẩm, sản lượng, giá cả, phương thức giao nhận, thanh toán, trách nhiệm thực hiện và cơ chế xử lý rủi ro. Bên cạnh hợp đồng, sự minh bạch thông tin, phối hợp chặt chẽ và phân chia lợi ích hợp lý là những yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả liên kết.

Bên cạnh học lý thuyết và thực hành trên lớp, học viên dành một ngày tham quan, khảo sát hai mô hình tại thôn Mý, xã Vị Xuyên, gồm mô hình sản xuất rau và mô hình chăn nuôi ốc, dúi.

Tại các mô hình, học viên có cơ hội tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, trao đổi với chủ thể về quá trình xây dựng mô hình, phương thức liên kết cũng như những thuận lợi, khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Qua khảo sát thực tế, cán bộ khuyến nông có thêm cơ sở đối chiếu kiến thức được trang bị với điều kiện sản xuất tại địa phương, từ đó nhận diện những vấn đề cần quan tâm khi hỗ trợ người dân phát triển liên kết.

Việc kết hợp giữa tập huấn và tham quan mô hình góp phần tăng tính thực tiễn của chương trình, giúp học viên không chỉ nắm kiến thức mà còn rèn luyện khả năng quan sát, phân tích và vận dụng vào công việc.

Thông qua lớp tập huấn, cán bộ khuyến nông được định hướng phát huy vai trò cầu nối giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường; hỗ trợ chuyển yêu cầu của người mua thành các tiêu chí cụ thể trong tổ chức sản xuất, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị. Qua đó, hoạt động khuyến nông từng bước chuyển từ hỗ trợ sản xuất đơn thuần sang đồng hành cùng người dân trong tiếp cận thị trường, tổ chức sản xuất theo nhu cầu và nâng cao hiệu quả tiêu thụ nông sản.

KIỀU OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



GỠ ĐIỂM NGHẼN, MỞ HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH HÀNG DÊ, CỪU

Với điều kiện khí hậu khô, địa hình đồi núi và tập quán chăn nuôi đã hình thành từ lâu; dê, cừu là những vật nuôi có lợi thế của Khánh Hòa. Tuy nhiên, để phát huy lợi thế và đưa sản phẩm dê, cừu bước vào những thị trường có giá trị cao, ngành chăn nuôi trong tỉnh đang đứng trước yêu cầu không chỉ tăng đàn mà phải thay đổi phương thức tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng và xây dựng liên kết theo chuỗi.

Ngày 30/9/2026, tại phường Ninh Chử, tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Khánh Hòa tổ chức Hội nghị "Giải pháp nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi dê, cừu trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa". Hội nghị tập trung nhận diện những điểm nghẽn trong sản xuất, đồng thời tìm giải pháp nâng cao hiệu quả, phát triển ngành hàng theo hướng bền vững và gắn với thị trường.

Theo báo cáo tại hội nghị, Khánh Hòa hiện có hơn 266.000 con dê, cừu; sản lượng thịt hơi khoảng 4.900 tấn/năm. Đây là nền tảng quan trọng để tỉnh phát triển ngành hàng dê, cừu theo hướng chuyên nghiệp, từng bước tiếp cận các thị trường có yêu cầu cao. Tuy nhiên, chăn nuôi vẫn chủ yếu ở quy mô hộ nhỏ; chất lượng con giống chưa đồng đều; nguồn thức ăn mùa khô thiếu ổn định; chuồng trại và an toàn sinh học còn hạn chế. Mối liên kết giữa người nuôi với doanh nghiệp và thị trường chưa chặt chẽ, sản phẩm phần lớn tiêu thụ qua thương lái, chưa tạo được sự khác biệt về chất lượng để nâng giá trị.

Từ thực tế đó, hội nghị giới thiệu nhiều tiến bộ kỹ thuật về cải thiện chất lượng giống, quản lý sinh sản, chủ động nguồn thức ăn, cải thiện chuồng nuôi, phòng bệnh và quản lý đàn bằng công nghệ số. Điểm quan trọng là các giải pháp này cần được triển khai đồng bộ trong một quy trình sản xuất có kiểm soát, từ con giống, thức ăn, chăn nuôi, phòng bệnh đến truy xuất nguồn gốc.

Đây cũng là nền tảng để Khánh Hòa tiếp cận hướng phát triển sản phẩm dê, cừu theo tiêu chuẩn Halal. Tại hội nghị, các chuyên gia nhấn mạnh Halal không chỉ là một chứng nhận ở khâu cuối mà là yêu cầu được kiểm soát xuyên suốt chuỗi, từ con giống, thức ăn, nguồn nước, quá trình chăn nuôi đến giết mổ, chế biến, bảo quản, vận chuyển và truy xuất nguồn gốc.

Cách tiếp cận này đặt ra yêu cầu mới: không thể sản xuất theo cách cũ rồi mới tìm thị trường, mà phải bắt đầu từ nhu cầu và tiêu chuẩn của thị trường để tổ chức lại sản xuất. Theo đó, cần từng bước hình thành vùng nguyên liệu có kiểm soát, tổ chức người chăn nuôi vào các nhóm liên kết, hợp tác xã hoặc chuỗi sản xuất có doanh nghiệp tham gia dẫn dắt.

Định hướng này đã được Khánh Hòa cụ thể hóa tại Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 về phát triển sản phẩm dê, cừu thành sản phẩm Halal trên địa bàn tỉnh đến năm 2030. Tỉnh định hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung, phát triển vùng nguyên liệu thức ăn, xây dựng cơ sở chăn nuôi theo tiêu chuẩn phù hợp, đẩy mạnh





truy xuất nguồn gốc, đồng thời thu hút đầu tư vào giết mổ, chế biến và phát triển thị trường.

Mục tiêu đến năm 2030 là hình thành ít nhất 14 vùng sản xuất dê, cừu tập trung với khoảng 1.735 ha, tổng đàn khoảng 500.000 con; xây dựng ít nhất hai cơ sở giết mổ, chế biến đáp ứng yêu cầu và đưa 50-60% sản lượng vào các chuỗi liên kết. Đây là bước chuyển từ tư duy phát triển đàn sang phát triển ngành hàng, từ bán sản phẩm thô sang nâng cao giá trị và xây dựng thương hiệu.

Để hiện thực hóa mục tiêu đó, cần hình thành những "mắt xích" còn thiếu trong chuỗi. Khâu giết mổ, chế biến phải được đầu tư theo hướng tập trung, bảo đảm an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu Halal. Khâu tiêu thụ cần có doanh nghiệp làm đầu mối, liên kết với hợp tác xã và hộ chăn nuôi. Sản phẩm cần được phân loại, truy xuất và xây dựng thương hiệu thay vì tiếp tục tiêu thụ chủ yếu dưới dạng sản phẩm tươi.

Thị trường Halal vì thế có thể trở thành động lực thúc đẩy toàn ngành thay đổi. Tuy nhiên, cơ hội thị trường chỉ trở thành giá trị thực khi sản xuất đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy, hội nghị đặt vấn đề xây dựng các chuỗi liên kết mẫu, hoàn thiện trước các yêu cầu về giống, thức ăn, quy trình nuôi, truy xuất, giết mổ, chế biến và tiêu thụ, sau đó mới nhân rộng.

Trong quá trình đó, khuyến nông có vai trò kết nối rõ nét. Không chỉ chuyển giao kỹ thuật cho từng hộ, hệ thống khuyến nông cần đồng hành với người chăn nuôi trong thay đổi phương thức sản xuất, hình thành nhóm hộ, hợp tác xã, xây dựng vùng nguyên liệu và kết nối doanh nghiệp. Các mô hình đã triển khai trên địa bàn tỉnh, trong đó có mô hình chăn nuôi cừu sinh sản thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc Dự án Khuyến nông Trung ương, là cơ sở thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện quy trình và mở rộng liên kết.

Khi sản xuất được tổ chức theo chuỗi, giá trị của con dê, con cừu không chỉ nằm ở thịt tươi mà còn có thể được gia tăng thông qua thịt làm lạnh, đông lạnh, sản phẩm chế biến, sữa, da, len và các phụ phẩm. Xa hơn, việc xây dựng thương hiệu "Dê - Cừu Halal Khánh Hòa" gắn với truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn phù hợp sẽ tạo thêm cơ sở để sản phẩm tiếp cận thị trường trong nước và từng bước hướng tới thị trường quốc tế.

Từ một ngành chăn nuôi dựa nhiều vào lợi thế tự nhiên và kinh nghiệm của người dân; dê, cừu Khánh Hòa đang đứng trước yêu cầu phát triển theo một cách khác: sản xuất có kiểm soát hơn, liên kết chặt chẽ hơn và hướng thị trường rõ ràng hơn. Hội nghị lần này vì vậy không chỉ là nơi giới thiệu tiến bộ kỹ thuật, mà còn gợi mở một tư duy mới cho ngành hàng: không chỉ nuôi nhiều hơn, mà phải sản xuất tốt hơn, liên kết chặt hơn và tạo ra sản phẩm có giá trị cao hơn.

Halal có thể là một cánh cửa mới, nhưng để bước qua cánh cửa ấy, trước hết ngành dê, cừu Khánh Hòa phải hoàn thiện chính những nền tảng của mình. Từ con giống, thức ăn, chuồng trại, an toàn sinh học đến liên kết sản xuất, giết mổ, chế biến và thị trường, từng mắt xích được củng cố sẽ tạo nên một chuỗi giá trị đủ sức nâng tầm sản phẩm và mang lại giá trị bền vững hơn cho người chăn nuôi.



Các đại biểu tham quan mô hình nuôi dê ở xã Tây Hòa Ninh, tỉnh Khánh Hòa

NGUYỄN THANH SƠN
Trung tâm Khuyến nông Khánh Hòa





KHUYẾN NÔNG SỐ LÀO CAI – CẦU NỐI CÔNG NGHỆ VỚI NGƯỜI NÔNG DÂN

Giữa những phiên chợ vùng cao quen thuộc, nơi bà con từng mang theo mớ rau, cân thóc, con gà để trao đổi mua bán, nay xuất hiện thêm một "gian hàng" rất mới: điện thoại thông minh, mã QR, livestream bán hàng, ứng dụng AI nhận diện sâu bệnh và những lớp hướng dẫn sử dụng công nghệ ngay tại sân chợ. Đó chính là mô hình "Phiên chợ Khuyến nông số" do Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai tổ chức - một cách làm gần dân, dễ hiểu, dễ tiếp cận, mở ra cánh cửa lớn cho chuyển đổi số nông nghiệp vùng cao.

Nhiều năm qua, cán bộ khuyến nông vốn quen với việc xuống đồng ruộng hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nhưng trong bối cảnh mới, họ không chỉ mang theo sổ tay kỹ thuật mà còn mang theo máy tính bảng, điện thoại thông minh và các ứng dụng AI hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

Tại các phiên chợ khuyến nông số, cán bộ khuyến nông của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai đã trực tiếp cầm tay chỉ việc hướng dẫn cho bà con cách sử dụng điện thoại thông minh, cách cài đặt ứng dụng nông nghiệp, tra cứu giá nông sản, theo dõi thời tiết hay tiếp cận các dịch vụ công trực tuyến.



Điểm đặc biệt là công nghệ được đưa xuống tận thôn bản theo cách rất gần gũi, bà con được thực hành ngay tại chỗ: quét mã QR, thanh toán không tiền mặt, đăng sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, livestream bán nông sản, tra cứu nguồn gốc hàng hóa, tra cứu sâu bệnh hay khai thác sử dụng hệ thống thông tin thời tiết và phòng chống thiên tai tỉnh Lào Cai.

Thời gian qua, hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng số đã được Trung tâm Khuyến nông triển khai tại các xã Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương, Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, Tân Hợp, các phường Lào Cai, Cam Đường, Sa Pa... Đông





đảo bà con dân tộc thiểu số đã tiếp cận được công nghệ mới, nhiều người lần đầu biết cách dùng điện thoại thông minh để xem dự báo thời tiết, tra cứu giá nông sản hay giới thiệu sản phẩm của gia đình trên nền tảng số. Đây cũng là bước cụ thể hóa về xây dựng mô hình "Người bản số" năm 2026 trong lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

Một trong những nội dung thu hút sự quan tâm lớn của bà con là ứng dụng AI trong nhận diện sâu bệnh cây trồng, vật nuôi. Chỉ với một chiếc điện thoại có cài đặt các ứng dụng Agri-AI hay Gemini AI, cán bộ khuyến nông có thể hướng dẫn bà con chụp ảnh lá cây, quả hoặc vật nuôi có dấu hiệu bất thường để AI sẽ nhanh chóng phân tích, nhận diện loại sâu bệnh và đưa ra gợi ý phác đồ xử lý ngay tại chỗ, giúp người dân từng bước thay đổi thói quen sản xuất truyền thống, tiếp cận phương thức canh tác hiện đại, tiết kiệm thời gian và chi phí.

Các ứng dụng dự báo thời tiết chuyên sâu cũng được phổ biến rộng rãi. Ở những xã vùng cao, nơi thường xuyên xảy ra rét đậm, rét hại, việc cập nhật sớm diễn biến thời tiết giúp người dân chủ động che chắn chuồng trại, bảo vệ đàn gia súc và điều chỉnh lịch gieo cấy phù hợp.

Nếu trước đây người nông dân chủ yếu bán hàng theo phương thức truyền thống thì nay, tại các phiên chợ khuyến nông số, bà con được hướng dẫn cách quảng bá sản phẩm bằng hình thức online. Nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất được hướng dẫn cách viết nội dung giới thiệu và livestream bán hàng, giúp nông dân mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đặc biệt, việc hướng dẫn quét mã QR trực tiếp trên bao bì sản phẩm giúp người dân hiểu rõ hơn về truy xuất nguồn gốc hàng hóa. Chỉ cần dùng điện thoại quét mã, người mua có thể biết được nơi sản xuất, quy trình canh tác và thông tin sản phẩm một cách minh bạch. Điều này không chỉ nâng cao niềm tin của người tiêu dùng mà còn giúp nông sản Lào Cai từng bước xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị trên thị trường.

Điểm đáng chú ý của mô hình khuyến nông số tại Lào Cai là hướng mạnh về cơ sở, đặc biệt ưu tiên đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Nhiều người dân trước đây còn e ngại công nghệ, chưa từng sử dụng điện thoại thông minh, nay đã có thể tự quét mã QR, xem dự báo thời tiết hay thanh toán điện tử. Những thao tác nhỏ nhưng là bước chuyển lớn trong nhận thức và kỹ năng số ở nông thôn.

Năm 2026, Trung tâm Khuyến nông Lào Cai sẽ tổ chức 40 phiên chợ khuyến nông số tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Theo kế hoạch: 100% đơn vị, người dân tham gia được hướng dẫn sử dụng các nền tảng số trong giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm; Tối thiểu 60% người tham gia được trực tiếp trải nghiệm các kỹ năng số như quét mã QR, thanh toán số, mua bán online; Tăng cường kết nối tiêu thụ nông sản và ký kết hợp tác giữa các đơn vị sản xuất với doanh nghiệp phân phối.

Những con số ấy cho thấy chuyển đổi số không còn là câu chuyện ở thành phố hay doanh nghiệp lớn, mà đang đi vào từng phiên chợ, từng thửa ruộng và từng hộ nông dân vùng cao. Thực tế cho thấy, chuyển đổi số trong nông nghiệp sẽ chỉ thành công khi người dân hiểu, biết và tự tin sử dụng công nghệ. Vì vậy, điều giá trị nhất mà mô hình khuyến nông số mang lại không chỉ là thiết bị hay ứng dụng mới, mà là thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân.

Khi bà con biết dùng điện thoại để học kỹ thuật, cập nhật thị trường, quảng bá sản phẩm và kết nối tiêu thụ, khoảng cách giữa nông dân vùng cao với thị trường lớn sẽ dần được thu hẹp. Khuyến nông số vì thế không đơn thuần là hoạt động tuyên truyền công nghệ, mà đang trở thành cây cầu nối tri thức, kết nối thị trường và mở ra cơ hội phát triển kinh tế số nông thôn theo hướng hiện đại, minh bạch và bền vững.

LƯU HOÀ - TIẾN VINH
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai

MÃ SỐ VÙNG TRỒNG TỪ ĐIỀU KIỆN XUẤT KHẨU ĐẾN TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT





Toàn cảnh tọa đàm

Ngày 25/9/2026, tại Gia Lai, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai tổ chức Tọa đàm "Liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất trong xây dựng, quản lý và duy trì mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói". Tọa đàm có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, hệ thống khuyến nông, doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất.

Thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến mã số vùng trồng (MSVT), mã số cơ sở đóng gói (MSCSĐG), Gia Lai đang đẩy mạnh rà soát, chuẩn hóa dữ liệu vùng trồng. Tính đến ngày 15/9/2026, 57/61 xã, phường đã ban hành kế hoạch, văn bản triển khai; 42 xã, phường thành lập tổ công tác. Toàn tỉnh đã thu thập dữ liệu 7.350,4 ha cà phê của 5.205 hộ và 969,8 ha sầu riêng của 712 hộ phục vụ cấp MSVT.

Những con số trên cho thấy khối lượng công việc rất lớn khi việc xây dựng MSVT được triển khai trên diện rộng. Đồng thời, thực tế đặt ra yêu cầu phải chuẩn bị từ sớm, nhất là đối với những cây trồng có mùa vụ và nhu cầu xuất khẩu tập trung, thay vì chỉ hoàn thiện hồ sơ khi đã sát thời điểm thu hoạch.



Phát biểu tại Tọa đàm, ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, nhấn mạnh MSVT mới chỉ là bước đầu. Quan trọng hơn là quản lý, quản trị và duy trì mã số, đưa các yêu cầu của mã số trở thành một phần thực chất trong quá trình sản xuất.

Trên thực tế, mã số chỉ phát huy giá trị khi đi cùng một quy trình sản xuất được kiểm soát. Nhật ký sản xuất phải được cập nhật, vật tư đầu vào được quản lý, sản phẩm được phân tách và xác định được nguồn gốc lô hàng. Vì vậy, cần chuyển từ tư duy "hỗ trợ thủ tục" sang hỗ trợ tổ chức sản xuất có kiểm soát, trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất cùng thực hiện các yêu cầu của chuỗi.

Cùng với quản lý sản xuất, số hóa vùng trồng đang trở thành công cụ quan trọng để nâng cao tính minh bạch và khả năng truy xuất. Đại diện Nafoods cho biết doanh nghiệp đang quản lý vùng liên kết trên nền tảng phần mềm do doanh nghiệp xây dựng, định danh vùng trồng đến từng thửa đất, quản lý hồ sơ hộ, tọa độ, giống, chu kỳ canh tác, nhật ký điện tử và truy xuất nguồn gốc. Vùng nguyên liệu liên kết của Nafoods tại Gia Lai hiện có 2.625 hộ trong tổng số 2.834 hộ của toàn hệ thống, diện tích 2.742 ha với 35 tổ chức tham gia; 86% thửa đất đã được định vị GPS. Trong 9 tháng đầu năm 2026, các tổ chức liên kết cung cấp cho nhà máy 38.000 tấn quả tươi.

Tuy nhiên, công nghệ chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi người dân có khả năng sử dụng và chủ động cập nhật dữ liệu. Theo ông Lê Quốc Thanh, khuyến nông cần đổi mới cách hỗ trợ, tăng cường hướng dẫn trực tiếp tại vườn, nương, đồng ruộng; giúp nông dân thao tác trên nền tảng số và xử lý những khó khăn phát sinh ngay trong quá trình sản xuất. Đây cũng là yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ khuyến nông trong bối cảnh sản xuất ngày càng gắn với dữ liệu và các tiêu chuẩn của thị trường.

Từ yêu cầu duy trì MSVT, một vấn đề lớn hơn được đặt ra là tổ chức vùng nguyên liệu. Nếu doanh nghiệp cần mã số để đáp ứng yêu cầu thị trường, thì vùng nguyên liệu phải được hình thành, quản lý và phát triển như thế nào để bảo đảm sản lượng, chất lượng và tính ổn định? Theo Trung tâm Khuyến nông quốc gia, về lâu dài, doanh nghiệp cần phối hợp với chính quyền địa phương, hợp tác xã và nông dân ngay từ đầu để xây dựng vùng nguyên liệu cho chính mình, đó là những vùng sản xuất có quy mô lớn, tiêu chuẩn và quy trình thống nhất.

Thực tế tại Gia Lai cho thấy hướng đi này đang hình thành. Công ty Vĩnh Hiệp chia sẻ kinh nghiệm xây dựng vùng nguyên liệu cà phê quy mô 18.739 ha với 20.925 hộ đạt các chứng nhận 4C và Rainforest Alliance, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu số hóa, truy xuất nguồn gốc để thích ứng với các quy định mới của thị trường.

Trong lĩnh vực chanh leo, Hợp tác xã Vũ Nam đang tổ chức vùng sản xuất khoảng 430 ha với 240 hộ, sản lượng khoảng 7.500 tấn/năm; Hợp tác xã Ia Mơ Nông có khoảng 800 ha với 600 hộ và 6 MSVT. Điểm chung được các hợp tác xã nhấn mạnh là ghi chép nhật ký thường xuyên và duy trì kỷ luật nội bộ là điều kiện quan trọng để giữ mã số qua nhiều vụ sản xuất.

Từ góc độ doanh nghiệp và hợp tác xã, MSVT vì vậy chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn với vùng nguyên liệu, tiêu chuẩn sản xuất, sản lượng và thị trường đầu ra. Điều này đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên, trong đó mỗi chủ thể cần xác định rõ vai trò của mình trong toàn bộ chuỗi.

Trong chuỗi liên kết đó, khuyến nông giữ vai trò kết nối, chuyển giao và hỗ trợ nâng cao năng lực. Khuyến nông không thay cơ quan quản lý cấp mã số, cũng không thay doanh nghiệp tổ chức vùng nguyên liệu, nhưng có thể đưa quy định và yêu cầu kỹ thuật đến với nông dân; hướng dẫn thực hành, hỗ trợ hợp tác xã và phản ánh những khó khăn từ cơ sở.

Theo ông Lê Quốc Thanh, cán bộ khuyến nông từ Trung ương đến địa phương cần nâng cao năng lực số, nắm chắc chủ trương, chính sách và quy trình cấp, quản lý MSVT. Cùng với đó, người nông dân cần nâng cao năng lực và nhận thức rõ việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy trình không chỉ là trách nhiệm mà còn tạo thêm giá trị cho sản phẩm.

Điểm nhấn của Tọa đàm là nghi thức ký cam kết tham gia Mô hình liên kết đa bên phát triển vùng nguyên liệu bền vững. Đại diện chính quyền địa phương, Trung tâm Khuyến nông quốc gia, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân cùng thực hiện cam kết trên nguyên tắc "Rõ vai - Rõ việc - Rõ trách nhiệm", với thông điệp: "Thị trường dẫn dắt - Khuyến nông đồng hành - Nông dân là chủ thể - Dữ liệu kết nối chuỗi".

Từ Gia Lai, câu chuyện về MSVT cho thấy yêu cầu của thị trường đang thúc đẩy quá trình tổ chức lại sản xuất theo hướng minh bạch, có dữ liệu và có liên kết. MSVT là điều kiện cần, nhưng để tạo giá trị lâu dài cần một chuỗi liên kết đủ chặt: Nhà nước tạo hành lang và đồng hành; khuyến nông chuyển giao, kết nối và hỗ trợ; doanh nghiệp dẫn dắt thị trường và tổ chức vùng nguyên liệu; hợp tác xã tổ chức sản xuất; còn nông dân là chủ thể trực tiếp thực hiện và duy trì các yêu cầu của chuỗi.

ĐỖ TUẤN- VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ XÃ ĐẠT CHUẨN NTM, NTM HIỆN ĐẠI

1. UBND xã tự đánh giá
Tổ chức xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới.

2. Gửi hồ sơ thẩm tra
UBND xã gửi báo cáo và tài liệu minh chứng đến các sở, ngành cấp tỉnh phụ trách nội dung tiêu chí.

15 ngày làm việc

Sở, ngành thẩm tra và gửi báo cáo về cơ quan NTM cấp tỉnh, đồng gửi UBND xã.

3. Lấy ý kiến người dân và công khai hồ sơ
UBND xã hoàn thiện báo cáo, gửi MTTQ xã tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng; đồng thời công khai hồ sơ tại trụ sở xã, nhà văn hóa thôn/bản/ấp và trên hệ thống truyền thanh.

Tối thiểu 10 ngày

4. Họp cấp xã và bỏ phiếu đề nghị
Tổ chức họp với các thành phần theo quy định để thảo luận và bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận.

Họp hợp lệ: Có mặt ≥70% thành phần.
Thông qua: ≥90% đại biểu dự họp nhất trí.

5. UBND xã hoàn thiện và nộp hồ sơ
Nộp hồ sơ cho cơ quan được giao nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu hồ sơ.

Có thể nộp bản cứng + bản mềm hoặc liên thông điện tử

6. Kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ
Cơ quan NTM cấp tỉnh rà soát hồ sơ.

05 ngày làm việc

Nếu hồ sơ chưa hợp lệ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7. Tổng hợp thẩm tra
Cơ quan NTM cấp tỉnh lập báo cáo tổng hợp kết quả thẩm tra và mức độ đạt chuẩn.
Khi cần có thể yêu cầu UBND xã bổ sung, làm rõ thông tin, hoàn thiện hồ sơ hoặc tham mưu thành lập đoàn kiểm tra thực tế để xác minh một số nội dung còn chưa rõ hoặc còn ý kiến khác nhau.

15 ngày làm việc

8. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh
Hội đồng tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Họp hợp lệ ≥70% thành viên dự họp.
- Thông qua hồ sơ ≥90% số thành viên dự họp hoặc có phiếu đồng ý nhất trí.

Trong 03 ngày làm việc sau họp: báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Nếu hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, trong 05 ngày làm việc cơ quan NTM cấp tỉnh phải có văn bản cho UBND xã và nêu rõ lý do.

9. UBND xã bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
Thực hiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (nếu có yêu cầu).

10 ngày làm việc

10. Trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh
Cơ quan NTM cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, lập tờ trình và báo cáo thẩm định để trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét.

11. Quyết định công nhận và công bố
Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; gửi quyết định về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, công khai trên báo, đài và cổng thông tin điện tử cấp tỉnh.

Công bố không quá 45 ngày kể từ ngày quyết định công nhận.

UBND xã tổ chức công bố bảo đảm trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

HỒ SƠ CƠ BẢN CỦA UBND XÃ

- Tờ trình đề nghị thẩm định, xét công nhận
- Biên bản họp cấp xã
- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM
- Báo cáo tổng hợp ý kiến sự hài lòng của người dân
- Báo cáo tiếp thu, cam kết khắc phục nội dung chưa hài lòng (nếu có)
- Báo cáo thẩm tra của sở, ngành cấp tỉnh
- Phiếu đánh giá/xếp hạng xã
- Tài liệu minh chứng

Thẩm quyền công nhận Chủ tịch UBND cấp tỉnh.





ĐƯỢC MÙA *Hồng giòn Yên Du*

Vào khoảng đầu tháng 9 đến tháng 10 dương lịch hằng năm, người dân thôn Đức Lĩnh, xã Mai Hoa, tỉnh Hà Tĩnh lại hối hả bước vào mùa thu hoạch hồng giòn Yên Du. Đây là giống hồng ngâm không hạt nổi tiếng, được trồng lâu đời tại địa phương.

Ông Nguyễn Văn Hoàn, thôn Đức Lĩnh chia sẻ: Vụ này, với gần 200 gốc cho quả, gia đình tôi dự kiến thu hoạch khoảng 4 tấn. Thị trường ổn định nên khách hàng đã đặt mua khá nhiều, giá bán khoảng 40.000 đồng/kg.

Vườn hồng gần 300 cây của gia đình anh Nguyễn Văn Đường, thôn Đức Lĩnh có 5 cây từ 50 năm tuổi trở lên. Đây là những cây cho sản lượng quả vượt trội, gấp 2 lần nhiều cây khác trong vườn. Không chỉ cho năng suất cao, những cây hồng lâu năm còn tạo điểm nhấn, thu hút khách đến tham quan, chụp ảnh.

Theo người dân nơi đây, hồng sau khi hái trên cây xuống cần để nguyên núm quả, rửa sạch rồi ngâm với nước lã trong chậu nhựa, chum sành hoặc nồi lớn, mỗi ngày thay nước 1 lần. Ngâm hồng ở nơi thoáng mát để đảm bảo hồng giòn và ngọt.

Được biết, xã Mai Hoa hiện có hơn 40 ha trồng hồng giòn Yên Du, tập trung chủ yếu tại thôn Đức Lĩnh. Vụ hồng giòn năm nay, toàn xã ước đạt sản lượng khoảng 50 tấn. Đáng chú ý, thị trường tiêu thụ thuận lợi nên bà con không còn quá lo lắng về đầu ra khi bước vào vụ thu hoạch.

Không chỉ chú trọng mở rộng thị trường, việc quảng bá còn được xem là một trong những giải pháp để nâng cao giá trị kinh tế cho cây hồng giòn Yên Du. Khi sản phẩm được nhận diện rộng hơn, người dân có thêm động lực chăm sóc, duy trì diện tích và nâng cao chất lượng quả, từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường.

Với giá bán ổn định, năng suất cao, hồng giòn Yên Du đang cho thấy tiềm năng trở thành sản phẩm nông nghiệp có giá trị của xã Mai Hoa. Việc kết hợp giữa nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường quảng bá và mở rộng thị trường sẽ là hướng đi quan trọng để cây hồng giòn phát triển bền vững, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh



Nghe nông dân miền tây kể chuyện
CHUYỂN ĐỔI XANH

Từ thay đổi cách xử lý rơm rạ, giảm thuốc bảo vệ thực vật đến kết hợp trồng lúa với nuôi tôm, cua và phát triển du lịch sinh thái, nông dân Đồng bằng sông Cửu Long đang tìm những hướng đi mới để thích ứng với tự nhiên, nâng cao giá trị nông sản và cải thiện sinh kế. Ba câu chuyện được chia sẻ tại Hội nghị Ngày Lương thực thế giới năm 2026 cho thấy những chuyển biến ấy bắt đầu từ chính thực tiễn sản xuất.

Thay đổi từ đồng ruộng

Nhiều năm trồng lúa tại vùng đệm Vườn Quốc gia Tràm Chim, tỉnh Đồng Tháp, ông Hồ Phước Minh từng quen với việc đốt rơm rạ sau thu hoạch, phun thuốc bảo vệ thực vật định kỳ và tăng phân bón để bảo đảm năng suất. Khi được Dự án STAR-FARM hướng dẫn canh tác lúa sinh thái, giảm thuốc hóa học và sử dụng chế phẩm sinh học, ông từng bước thay đổi tập quán sản xuất.“Tôi nghĩ không chỉ cho một vụ lúa, mà phải nghĩ lâu dài. Nếu mình giảm được thuốc, giữ đất và nguồn nước tốt hơn thì chính mình là người được lợi”, ông Minh chia sẻ.

Cùng hướng đi đó, ông Nguyễn Văn Chùm, thành viên Hợp tác xã Phú Xuân, đã thử sử dụng nấm Trichoderma spp. để phân hủy rơm rạ ngay trên ruộng, thay cho cách đốt đồng vốn phổ biến trong điều kiện sản xuất ba vụ lúa mỗi năm. Ông nhận thấy mặt ruộng có độ chắc chân hơn, đồng thời việc theo dõi sâu bệnh kỹ hơn giúp giảm lượng thuốc bảo vệ thực vật mà cây lúa vẫn phát triển tốt.

“Mình tự làm, tự thấy được thì mình tin”, ông Chùm nói. Với ông, sản xuất lúa tại vùng đệm Tràm Chim không chỉ là câu chuyện năng suất mà còn gắn liền với trách nhiệm bảo vệ đất, nước và hệ sinh thái.

Sản xuất thuận theo điều kiện tự nhiên

Tại xã Đông Thái, tỉnh An Giang, Hợp tác xã Nam Quý lựa chọn mô hình lúa - tôm - cua để thích ứng với điều kiện tự nhiên và nâng cao hiệu quả sản xuất. Theo ông Phạm Chí Thương, Giám đốc Hợp tác xã, đơn vị thành lập năm 2020, hiện có 97 thành viên với khoảng 157 ha sản xuất.

Thay cho hai vụ lúa mỗi năm, các thành viên chuyển sang một vụ tôm, cua kết hợp một vụ lúa, sử dụng các giống ST24, ST25, ST tím và từng bước sản xuất theo hướng hữu cơ. Theo ông Thương,



Bà con nông dân canh tác lúa tại vùng đệm vườn quốc gia Tràm Chim

mô hình bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế tích cực, môi trường đồng ruộng cải thiện; chim, cò xuất hiện trở lại. Người dân còn tận dụng cá rô phi làm chả cá, chế biến cá tạp thành nước mắm để gia tăng giá trị sản phẩm.

"Chúng tôi không cố bắt đất làm theo ý mình, mà mình làm theo đất. Và đất đã trả lại cho bà con", ông Thương chia sẻ.

Tuy nhiên, hợp tác xã vẫn gặp khó khăn về kiểm soát nguồn nước, chất lượng con giống và đầu ra sản phẩm. Tôm, cua chủ yếu bán qua thương lái nên giá cả thiếu ổn định. Ông mong muốn được hỗ trợ nâng cấp hạ tầng thủy lợi, quan trắc môi trường và kết nối doanh nghiệp để xây dựng thương hiệu, tiêu thụ sản phẩm. Theo ông, sản xuất sạch đòi hỏi nhiều công sức và chi phí hơn, vì vậy cần có thị trường và giá bán tương xứng để người dân duy trì mô hình lâu dài.

Nông nghiệp sinh thái mở lối cho du lịch cộng đồng

Tại Hợp tác xã Cồn Chim, tỉnh Vĩnh Long, nông nghiệp thuận thiên còn mở ra hướng phát triển du lịch cộng đồng. Bà Nguyễn Thị Bích Vân, Giám đốc Hợp tác xã, cho biết khi địa phương bắt đầu phát triển du lịch cộng đồng năm 2019, nhiều hộ dân còn e ngại. Bà quyết định làm trước để chứng minh hiệu quả, từng bước vận động bà con cùng tham gia. Trong sản xuất, người dân ưu tiên nuôi thủy sản theo điều kiện tự nhiên, hạn chế hóa chất và sử dụng phân bón sinh học. Theo bà Vân, sự đồng lòng của các thành viên là yếu tố quan trọng để duy trì mô hình. "Làm nông thì thuận thiên, làm du lịch thì sinh thái", bà chia sẻ.

Tiếp nối hướng đi này, chị Nguyễn Thị Thúy An, nông dân trẻ của hợp tác xã, đang phối hợp với Dự án STAR-FARM xây dựng kế hoạch phát triển mô hình lúa - tôm thành sản phẩm du lịch trải nghiệm xanh. Du khách dự kiến có thể đạp xe qua những cánh đồng, tìm hiểu phương thức canh tác thích ứng với mùa mặn, ngọt và văn hóa bản địa.

Hợp tác xã cũng hướng đến khôi phục nghề nấu rượu gạo truyền thống từ nguồn gạo sạch của mô hình lúa - tôm, kết hợp giới thiệu ẩm thực và phát triển sản phẩm địa phương thành quà tặng đặc trưng.

Ba câu chuyện trên cho thấy nông dân miền Tây đang từng bước chuyển từ tư duy sản xuất đơn thuần sang khai thác giá trị tổng hợp của nông nghiệp. Với sự đồng hành của Dự án STAR-FARM trong hỗ trợ kỹ thuật canh tác sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu, những thay đổi từ đồng ruộng đến tổ chức sản xuất, phát triển du lịch đang mở thêm cơ hội nâng cao thu nhập, đồng thời gìn giữ tài nguyên và môi trường. Để các mô hình phát triển bền vững, bên cạnh sự chủ động của nông dân, vẫn cần hạ tầng phù hợp và liên kết thị trường ổn định.

Điểm du lịch cộng đồng HTX Cồn Chim, tỉnh Vĩnh Long



MINH CHÂU



KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG NGHỀ CÁ TĂNG SỨC MẠNH BẢO VỆ NGƯ TRƯỜNG





Tổ cộng đồng nghề cá triển khai các hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản



Trước yêu cầu phát triển nghề cá bền vững và gỡ cảnh báo "thẻ vàng" của Ủy ban châu Âu (EC), tỉnh Hà Tĩnh đang lựa chọn cách tiếp cận từ chính cộng đồng ngư dân. Thay vì chỉ dựa vào lực lượng quản lý nhà nước, địa phương từng bước trao quyền để ngư dân trực tiếp tham gia quản lý vùng biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và giám sát hoạt động khai thác. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, các tổ chức cộng đồng nghề cá tại Hà Tĩnh được kiện toàn phù hợp với địa giới mới. Xã Yên Hòa và xã Lộc Hà là hai địa phương đầu tiên hoàn thành việc thành lập tổ chức cộng đồng nghề cá theo Đề án thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ của tỉnh.

Là ngư dân có nhiều năm gắn bó với biển, ông Phan Xuân Hội thôn Mỹ Hòa, xã Yên Hòa cảm nhận rõ những chuyển biến tích cực kể từ khi Tổ chức cộng đồng nghề cá đi vào hoạt động. Theo ông Hội, khi chính ngư dân cùng tham gia quản lý ngư trường, ý thức chấp hành quy định trong khai thác được nâng lên rõ rệt. Mỗi thành viên không chỉ quan tâm đến sản lượng đánh bắt mà còn có trách nhiệm gìn giữ nguồn lợi thủy sản để đảm bảo sinh kế lâu dài.

Tổ chức cộng đồng nghề cá xã Yên Hòa được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tổ chức của hai xã Cẩm Dương và Yên Hòa trước đây, với 188 thành viên tham gia. Dù mới đi vào hoạt động từ cuối tháng 6/2026 nhưng tổ đã nhanh chóng triển khai nhiều phần việc thiết thực.

Ông Hoàng Công Việt, Tổ trưởng Tổ chức cộng đồng nghề cá xã Yên Hòa cho biết, ngoài việc hỗ trợ ngư dân hoàn thiện hồ sơ cấp giấy phép khai thác, hướng dẫn đánh dấu tàu cá, thống kê phương tiện, tổ còn phối hợp với lực lượng chức năng tăng cường tuần tra trên biển. Tính từ khi thành lập đến nay, tổ đã phối hợp với lực lượng biên phòng tuần tra 2 ngày và lực lượng kiểm ngư 4 ngày. Tuy chưa phát hiện được vụ việc đánh bắt sai phạm nhưng qua đó giúp bà con ngư dân chấp hành tốt hơn trong mỗi chuyến khai thác hải sản.

"Không chỉ dừng lại ở nhiệm vụ quản lý, tổ còn huy động nguồn lực cải tạo tuyến đường từ khu dân cư ra bãi biển, đầu tư máy kéo phục vụ đưa tàu thuyền lên xuống bãi. Những công trình này đã giúp ngư dân giảm đáng kể chi phí, công sức mỗi chuyến ra khơi". Ông Việt cho biết thêm.

Từ những kết quả bước đầu ở Yên Hòa, mô hình tiếp tục được triển khai tại xã Lộc Hà. Ngay sau lễ ra mắt, tổ chức cộng đồng nghề cá địa phương đã xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và chuẩn bị thành lập các tổ tự quản, tổ tuần tra tại các thôn ven biển.

Ông Trần Bá Chung, Tổ trưởng Tổ chức cộng đồng nghề cá xã Lộc Hà cho biết, đơn vị đã ký quy chế phối hợp với UBND xã và Đồn Biên phòng Cửa Sót nhằm tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp tuần tra, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi khai thác thủy sản trái phép.

Một trong những hoạt động đầu tiên được tổ triển khai là thả giống ngao, sò xuống vùng biển ven bờ để tái tạo nguồn lợi thủy sản. Đây không chỉ là hoạt động phục hồi hệ sinh thái mà còn thể hiện rõ tinh thần đồng quản lý khi chính ngư dân trực tiếp tham gia bảo vệ nguồn lợi của địa phương.

Theo Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh, đến tháng 6/2026 toàn tỉnh duy trì 15 tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ với hơn 2.000 thành viên. Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp và triển khai Đề án thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh đang phối hợp với các xã, phường ven biển rà soát, hướng dẫn kiện toàn và thành lập các tổ chức cộng đồng nghề cá ven bờ. Yên Hòa và Lộc Hà là hai địa phương đầu tiên hoàn thành việc kiện toàn, thành lập sau sáp nhập. Dự kiến đến tháng 9/2026, Hà Tĩnh sẽ hoàn thành việc thành lập và giao quyền cho 7 tổ chức cộng đồng; đến năm 2030 nâng tổng số lên 13 tổ chức, phủ kín mô hình đồng quản lý tại 13/16 xã, phường ven biển.





Ra mắt tổ cộng đồng nghề cá ven bờ xã Lộc Hà

Ông Nguyễn Trọng Nhật, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh cho biết, thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục đồng hành, hướng dẫn kỹ thuật cho các địa phương trong việc kiện toàn bộ máy. "Chúng tôi tập trung mạnh vào việc hỗ trợ thành lập các tổ chức cộng đồng nghề cá theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp để tăng tính pháp lý và hiệu quả thực chất. Bên cạnh đó, chi cục sẽ mở các lớp tập huấn chuyên sâu, nâng cao năng lực cho cán bộ cấp xã và các thành viên trong tổ chức cộng đồng nghề cá. Mục tiêu là để các tổ chức cộng đồng thực sự phát huy vai trò tự quản, trở thành lực lượng nòng cốt trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và chống khai thác IUU".

Thực tế cho thấy, khi ngư dân được trao quyền cùng tham gia quản lý ngư trường, ý thức chấp hành pháp luật được nâng lên rõ rệt. Mô hình này không chỉ góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản mà còn tạo nền tảng cho một nghề cá có trách nhiệm, phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước cùng cả nước tháo gỡ cảnh báo "thẻ vàng" IUU.

NGUYỄN HOÀN
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

TỪ ĐẤT ĐỒI TRỒNG KEO



Đến Vùng nguyên liệu dứa Queen



Anh Đậu Văn Nam bên máy chế biến sợi dứa

Từ những triền đồi trước đây chủ yếu trồng keo, xã Tân An, tỉnh Nghệ An đang từng bước hình thành vùng nguyên liệu dứa Queen. Khởi đầu từ mô hình thử nghiệm của một người con quê hương, cây dứa mở ra hướng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao hơn, đồng thời tạo động lực để địa phương tổ chức lại sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ.

Năm 2021, nhận thấy diện tích đất đồi dốc tại địa phương trồng keo mang lại hiệu quả kinh tế chưa cao, anh Đậu Văn Nam, Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Ecofa, quyết định đưa giống dứa Queen (dứa Nữ Hoàng) vào trồng thử nghiệm trên 1 ha đất của gia đình.

Kết quả sau những vụ trồng đầu tiên cho thấy cây dứa có khả năng thích nghi với điều kiện đất đai và khí hậu khô hạn tại địa phương. Theo anh Nam, từ khi xuống giống đến khi thu hoạch quả chín, dứa Queen cần khoảng 16-18 tháng. Năng suất đạt 40-50 tấn/ha/vụ, giá bán dao động từ 7.000-9.000 đồng/kg. Với mức đầu tư ban đầu khoảng 100-120 triệu đồng/ha, mô hình có thể mang lại lợi nhuận ước tính 200-250 triệu đồng/ha/vụ.



Hiệu quả kinh tế từ mô hình bước đầu cho thấy tiềm năng chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất đồi, đồng thời tạo sức hút đối với người dân địa phương. Tuy nhiên, theo anh Nam, để cây dứa phát triển bền vững, người trồng không thể chỉ dựa vào lợi thế về đất đai hay giá bán. Các khâu làm đất, xuống giống, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cần được thực hiện đúng kỹ thuật, bảo đảm năng suất, chất lượng quả đáp ứng yêu cầu thu mua của doanh nghiệp.

Từ 1 ha thử nghiệm ban đầu, đến cuối tháng 2/2026, xã Tân An đã có khoảng 70 ha đất đăng ký trồng dứa mới. Con số này cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn của người dân đối với loại cây trồng mới, đồng thời đặt ra yêu cầu hình thành vùng nguyên liệu tập trung, có quy trình sản xuất thống nhất và đầu ra ổn định.

Để hiện thực hóa định hướng đó, chính quyền xã Tân An xác định phát triển cây dứa không



Hợp tác xã TWS Ebisu Việt Nam làm việc với UBND xã Tân An

đơn thuần là mở rộng diện tích, mà phải gắn với tổ chức sản xuất theo chuỗi và liên kết tiêu thụ. Nghị quyết số 12 ngày 22/12/2025 của Đảng ủy xã về phát triển vùng nguyên liệu dứa tập trung giai đoạn 2026-2030 là cơ sở để địa phương triển khai định hướng này.

Cùng với chủ trương phát triển vùng nguyên liệu, chính sách hỗ trợ của tỉnh Nghệ An tạo thêm điều kiện để người dân đầu tư sản xuất. Theo Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, người trồng dứa được hỗ trợ 80% chi phí mua giống, 5 triệu đồng/ha tiền làm đất và 3,5 triệu đồng/ha tiền mua màng phủ. UBND xã giao Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã phối hợp với Trung tâm Giống nông nghiệp Nghệ An hỗ trợ nguồn giống và hướng dẫn kỹ thuật, từng bước chuẩn hóa quy trình canh tác.

Một trong những yếu tố quyết định sự phát triển của vùng dứa là khả năng tiêu thụ sản phẩm. Ngày 28/3/2026, HTX Dịch vụ nông nghiệp xã Tân An ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ dứa giai đoạn 2026-2030 với Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao (DOVECO). Đây là bước đi quan trọng nhằm gắn sản xuất của nông dân với nhu cầu của doanh nghiệp, hạn chế tình trạng mở rộng diện tích nhưng thiếu đầu ra.

Theo thỏa thuận, dứa đưa vào thu mua phải đáp ứng yêu cầu về kích cỡ, độ chín và an toàn thực phẩm. Quả có trọng lượng từ 0,5 kg trở lên, độ chín từ 1-3 hàng mắt và không có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt quy định. Giá thu mua có cơ chế giá sàn khoảng 4.500-5.000 đồng/kg từ đầu vụ.

Những yêu cầu này đòi hỏi người trồng phải tuân thủ quy trình sản xuất, không chạy theo sản lượng mà xem nhẹ chất lượng. Ngược lại, liên kết tiêu thụ tạo cơ sở để nông dân chủ động tính toán chi phí, tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường và giảm rủi ro khi thu hoạch.

Không chỉ hướng tới giá trị từ quả dứa, Tân An còn tính đến việc khai thác phụ phẩm để mở rộng chuỗi giá trị. Ngày 9/9/2026, HTX JWS Ebisu Việt Nam đã làm việc với lãnh đạo xã về khả năng phát triển vùng nguyên liệu lá dứa phục vụ sản xuất sợi, dệt.



Cây dứa thích nghi tốt với điều kiện đất đai và khí hậu địa phương

Theo anh Đậu Văn Nam, doanh nghiệp đang quan tâm đến việc thu gom, sơ chế lá dứa để tách xơ, làm nguyên liệu sản xuất sợi và dệt vải. Nếu vùng nguyên liệu dứa đạt trên 500 ha, doanh nghiệp sẽ xem xét đầu tư cơ sở sơ chế xơ lá tại địa phương. Hướng đi này, nếu được hiện thực hóa, không chỉ gia tăng giá trị từ cây dứa mà còn có thể tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân.

Từ một mô hình thử nghiệm quy mô nhỏ, cây dứa Queen đang mở ra triển vọng hình thành vùng sản xuất hàng hóa trên đất đồi Tân An. Dù vậy, mở rộng diện tích mới chỉ là bước khởi đầu. Để cây dứa thực sự trở thành cây trồng có giá trị kinh tế, địa phương cần tiếp tục bảo đảm chất lượng giống, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng sản phẩm và duy trì liên kết tiêu thụ ổn định.

Khi người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và chính quyền cùng tham gia, những triền đồi từng gắn với cây keo có thêm cơ hội tạo ra giá trị mới. Đây cũng là hướng đi giúp Tân An khai thác hiệu quả hơn tiềm năng đất đai, từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung và tạo sinh kế ổn định cho người dân.

LÊ THÚY - NGUYỄN THU
Trung tâm CUDVC xã Thiên Nhẫn

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH NUÔI ONG LẤY MẬT Ở XÃ CỒN TIÊN, TỈNH QUẢNG TRỊ

Tiếng ong vo ve phủ kín khu vườn khi ông Nguyễn Hữu Chức ở xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị khoác bộ đồ bảo hộ, cầm chiếc bình hun khói rồi chậm rãi tiến về dãy thùng ong được đặt dưới những tán cây. Một làn khói mỏng được đưa nhẹ vào cửa tổ trước khi ông lần lượt mở từng thùng ong. Động tác thuần thục của người đàn ông đã gắn bó với nghề nhiều năm khiến đàn ong vẫn khá bình lặng. Ông nhẹ nhàng nhấc từng cầu ong lên quan sát, kiểm tra lượng mật, theo dõi sự phát triển đàn ong. "Nuôi ong không phải cứ để đó là có mật. Đến mùa sinh sản, khoảng 7-10 ngày phải kiểm tra đàn một lần. Nếu ong chia đàn mà không xử lý kịp thì sản lượng mật giảm ngay", ông Chức chia sẻ.



Các cầu ong đã "vít nắp" mới được đưa vào quay mật

Ông Chức cho biết, tận dụng lợi thế gần rừng keo tràm, nguồn mật hoa dồi dào, năm 2019, sau khi tham gia lớp tập huấn kỹ thuật và được hỗ trợ con giống từ Viện Ong Trung ương, ông đã mạnh dạn đầu tư phát triển nghề nuôi ong theo hướng hàng hóa. Vừa làm vừa rút kinh nghiệm, dần dần ông đã hiểu tập tính của loài ong, biết cách theo dõi sức khỏe đàn ong, xử lý khi ong chia đàn và lựa chọn đúng thời điểm để thu hoạch mật. Từ vài thùng ong ban đầu, đến nay, gia đình ông duy trì khoảng 50 thùng ong nội. Đây là giống ong bản địa có khả năng thích nghi tốt với điều kiện khí hậu địa phương, phù hợp với nguồn hoa tự nhiên từ rừng keo tràm và các loại cây ăn quả theo



mùa. Dù sản lượng không cao bằng một số giống ong ngoại, nhưng mật ong nội có hương thơm đặc trưng, vị ngọt thanh và được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng.

Theo kinh nghiệm của ông Chức, để mật ong có chất lượng tốt, người nuôi ong không nên thu hoạch ngay khi cầu ong vừa đầy mật. Chỉ khi những ô mật được ong thợ phủ kín bằng một lớp sáp trắng, người nuôi gọi là "vít nắp", lúc này mới bắt đầu quay mật. Đó là thời điểm mật đã đạt độ chín tự nhiên sau khi mật ong tự bốc hơi lượng nước dư thừa và được đàn ong đóng kín để bảo quản. Thu hoạch đúng lúc không chỉ giúp mật thơm hơn, sánh hơn mà còn hạn chế nguy cơ lên men trong quá trình bảo quản. Ông Chức cho biết, để đảm bảo sức khỏe cho đàn ong, mỗi năm ông chỉ thu hoạch mật ong khoảng 5-6 lần, chủ yếu vào mùa hè. Sản lượng bình quân khoảng 5-7 lít mật/thùng/năm. Với giá bán khoảng 600.000 đồng/lít, nghề nuôi ong đã mang lại nguồn thu nhập ổn định, góp phần cải thiện đời sống gia đình.

Đặc biệt, những can mật vừa quay xong phải qua một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt tại Cơ sở Mật ong Khe Lòn của anh Hoàng Văn Quang. Tại đây, mật ong được đo độ thủy phần, nếu đạt yêu cầu mới được đóng chai, dán nhãn và nhập kho.

Theo anh Quang, đây là khâu bắt buộc để giữ chất lượng cho sản phẩm. Bên cạnh đó, để bảo đảm uy tín, mỗi mẻ mật sau khi thu mua đều được ghi chép đầy đủ ngày thu hoạch, hộ nuôi, mã số bồn chứa và lưu hồ sơ. Quy trình này giúp truy xuất nguồn gốc từng mẻ mật khi cần thiết, đồng thời tạo sự minh bạch trong toàn bộ chuỗi sản xuất. "Mật chín tự nhiên phải có độ thủy phần từ 18-21%. Nếu thu hoạch khi mật chưa chín, độ thủy phần có thể lên tới 24-28%, lượng nước còn nhiều nên rất dễ lên men, sinh ga, thậm chí nổ chai khi bảo quản. Vì vậy, chúng tôi chỉ thu mua khi mật đã đạt độ chín tự nhiên", anh Quang cho biết.

Ông Nguyễn Hữu Chức kiểm tra sự phát triển của đàn ong



Theo anh Quang, để tạo ra những mẻ mật đạt chuẩn, vào mùa hoa, ong hoàn toàn tự đi lấy mật ngoài tự nhiên. Đến mùa đông, khi nguồn hoa khan hiếm, cơ sở yêu cầu các hộ nuôi ong liên kết dùng chính lượng mật nguyên chất còn lại của vụ trước để dưỡng đàn, chứ không sử dụng nước đường hay các chất thay thế.

Theo bà Hồ Thị Nữ, cán bộ khuyến nông thuộc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Cồn Tiên cho biết, nghề nuôi ong đang phát triển khá mạnh tại địa phương. Toàn xã có hơn 300 hộ nuôi ong, có hộ nuôi quy mô lớn từ 50-100 đàn. Đáng chú ý là người nuôi ong nơi đây kiên trì chăm sóc đàn ong theo tập tính tự nhiên, thu hoạch đúng thời điểm và kiểm soát chất lượng từ khâu sản xuất đến tiêu thụ, tạo nên giá trị mật ong Cồn Tiên, mang lại thu nhập bền vững hơn cho người dân. Trên cơ sở này, địa phương sẽ tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật, nhân rộng mô hình và tăng cường liên kết với các doanh nghiệp thu mua nhằm tạo đầu ra ổn định cho người dân.

LAN ANH
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị



Bắc Ninh:
NUÔI LỢN AN TOÀN, THU LÃI TIỀN TỶ

Từ bỏ công việc quản đốc tại một doanh nghiệp với mức thu nhập hàng chục triệu đồng mỗi tháng, anh Dương Thanh Tuyên, ở TDP Hạ Lát, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh đã trở về quê để thực hiện ước mơ chăn nuôi lợn. Sau 6 năm gắn bó với nghề, từ quy mô 100-120 con/lứa, đến nay đàn lợn của gia đình anh đạt 400-500 con/lứa, nuôi 2,5 lứa/năm, mang lại lợi nhuận hơn 2 tỷ đồng trong năm 2025. Riêng 6 tháng đầu năm 2026, lợi nhuận đạt khoảng 1,4 tỷ đồng. Năm 2026, anh Tuyên tiếp tục mở rộng sản xuất, nuôi khoảng 12.000 con gà trắng nhằm đa dạng hóa vật nuôi, khai thác hiệu quả nguồn lực và cơ sở vật chất của gia đình.

Những ngày đầu gặp không ít khó khăn do thiếu kinh nghiệm thực tế, trong khi chăn nuôi lợn luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là nguy cơ dịch bệnh và biến động của thị trường, anh Tuyên vừa làm vừa học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, tìm hiểu kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc, dinh dưỡng và phòng, chống dịch bệnh.

Chia sẻ về kinh nghiệm chăn nuôi, anh Tuyên cho biết, để hạn chế rủi ro dịch bệnh, cần phải chú trọng thực hiện các biện pháp an toàn sinh học, chủ động phòng bệnh. Anh là người chăm sóc đàn lợn, khu vực chăn nuôi hầu như chỉ có một mình anh. Trước và sau khi lấy cám chăn nuôi, anh đều thực hiện chiếu tia UV để vệ sinh, khử khuẩn, hạn chế nguy cơ mầm bệnh xâm nhập vào khu vực chăn nuôi. Theo anh Tuyên, thực hiện an toàn sinh học đòi hỏi người chăn nuôi phải kiên trì, cẩn trọng và tuân thủ nghiêm ngặt trong suốt quá trình chăn nuôi. Bên cạnh việc kiểm soát người ra vào, phải thường xuyên vệ sinh chuồng trại, theo dõi sức khỏe đàn vật nuôi, thực hiện các biện pháp phòng bệnh phù hợp và chủ động xử lý những vấn đề phát sinh.

Anh Tuyên cũng tích cực tham gia các lớp tập huấn và hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật do Trung tâm Khuyến nông tỉnh tổ chức. Theo anh, đây là cơ hội thiết thực để người chăn nuôi được cập nhật kiến thức mới, tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, giúp anh chủ động hơn trong tổ chức sản xuất, mạnh dạn thử nghiệm những hướng đi mới và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất.

Từ thực tế sản xuất, anh Tuyên cũng tích cực chia sẻ với các hộ chăn nuôi xung quanh về tầm quan trọng của việc chủ động phòng, chống dịch bệnh, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và thường xuyên cập nhật kiến thức mới. Qua đó, góp phần lan tỏa tinh thần học hỏi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phát triển chăn nuôi an toàn, hiệu quả trong cộng đồng nông dân địa phương.

Năm 2025, anh Dương Thanh Tuyên được Hội Nông dân tỉnh Bắc Ninh công nhận là Nông dân xuất sắc. Với kết quả đạt được, mô hình của anh trở thành một trong những điển hình tiêu biểu về tinh thần dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn chuyển đổi hướng phát triển kinh tế tại địa phương.

DƯƠNG THƠM
Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh



Trước tình hình biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng thì việc nghiên cứu, chọn tạo và sử dụng các giống lúa chất lượng cao và chịu hạn, mặn được coi là chiến lược then chốt. Nhằm hỗ trợ người dân chủ động sản xuất, ứng phó với hạn, mặn mùa khô 2026 - 2027, Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long khuyến cáo các nhóm giống lúa đáp ứng tối ưu với các điều kiện sinh thái bất lợi, như sau:

LỰA CHỌN GIỐNG LÚA THÍCH ỨNG HẠN, MẶN VỤ ĐÔNG XUÂN 2026 - 2027 VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Nhóm giống lúa ngắn ngày

Một số giống: OM2517, OM380 và OM34 có thời gian sinh trưởng dưới 90 ngày, các giống OM5451, OM468 và OM54 có thời gian sinh trưởng khoảng 88-95 ngày. Các giống có đặc tính chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và các điều kiện bất lợi. Sử dụng giống ngắn ngày cho phép chủ động bố trí thời vụ, tăng khả năng né tránh hạn và mặn, đồng thời phù hợp với yêu cầu thâm canh và luân canh.

2. Nhóm giống lúa chất lượng cao

Các giống mới chọn tạo: OM19, OM8, OM18, OM66, OM75 và OM68 được xếp vào nhóm thơm chất lượng cao; OM3, OM74, OM15, OM54, OM11, OM82, OM468, OM5451, OM429, OM344 và OM45 thuộc nhóm chất lượng cao. Giống đạt năng suất, chất lượng gạo và đáp ứng nhu cầu thị trường.

3. Nhóm giống lúa thích nghi điều kiện mặn

Các giống được khuyến cáo sử dụng: OM2517, OM6976, OM8959, OM11735, OM9582, OM9577, OM429, OM380, OM18 và OM3. Khả năng chống chịu mặn ở mức 2-4‰, tại các vùng ven biển và vùng có nguy cơ xâm nhập mặn.

4. Nhóm giống lúa thích nghi hạn và khả năng né tránh điều kiện bất lợi

Tại những vùng có nguy cơ hạn, mặn cao cần ưu tiên sử dụng các giống lúa ngắn ngày, có khả năng chống chịu hạn và thích nghi với điều kiện bất lợi như: OM6162, OM7347, OM5464, OM8928 và OM6677.

Chủ động bố trí thời vụ gieo sạ sớm, phù hợp với khả năng nguồn nước của từng tiểu vùng, nhằm





Theo dõi mực nước trong ruộng



Giống OM429 thích hợp với vùng có nguy cơ xâm nhập mặn

thu hoạch trước thời điểm hạn, xâm nhập mặn có nguy cơ gia tăng vào cuối vụ. Quản lý nước chặt chẽ, chủ động kiểm tra độ mặn trước khi lấy nước và áp dụng tưới ngập - khô xen kẽ (AWD) ở những vùng có điều kiện phù hợp nhằm tiết kiệm nước tưới, nâng cao hiệu quả sử dụng nước và góp phần giảm phát thải khí nhà kính.

5. Khuyến cáo sản xuất theo điều kiện sinh thái

Đối với vùng sản xuất lúa chủ động được nguồn nước và có yêu cầu cao về chất lượng gạo, nên ưu tiên các giống có chất lượng cơm tốt, hạt gạo đẹp và thời gian sinh trưởng khoảng 90-105 ngày như OM19, OM18, OM5451, OM429, OM6976, OM468, OM344, OM11, các giống nếp, Japonica IR4625, ĐS1, OM75 và các giống chất lượng cao phù hợp với thị trường.

Đối với vùng có nguy cơ xâm nhập mặn, cần ưu tiên các giống có khả năng chống chịu mặn như OM2517, OM18, OM20, OM5451, OM429, OM6976, OM9577, OM9921, OM8959, OM11735, OM9582, OM4900, OM6162, OM5629, OM380, OM3...

Đối với vùng thường xuyên bị hạn hoặc thiếu nước, cần ưu tiên nhóm giống lúa có khả năng chống chịu hạn và thích nghi với điều kiện bất lợi như OM6162, OM7347, OM5464, OM8928, OM6677, OM380, OM34,... kết hợp với bố trí thời vụ né hạn và quản lý nước tiết kiệm.

Đối với vùng chịu đồng thời nhiều yếu tố bất lợi, cần lựa chọn giống theo nguyên tắc "đúng giống - đúng vùng - đúng mùa vụ". Khả năng chống chịu mặn, hạn, sâu bệnh và chất lượng gạo cần được xem xét đồng thời với điều kiện đất đai, nguồn nước và yêu cầu thị trường.

ĐẶC TÍNH MỘT SỐ GIỐNG LÚA

STT	Tên giống lúa	Thời gian sinh trưởng *(ngày)*	Tiềm năng năng suất *(tấn/ha)*	Tính chống chịu	Tính thích nghi
1.	OM2517	85-90	5 - 8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 1), rầy nâu (cấp 5) và bạc lá (cấp 7) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo. Chịu mặn ở nồng độ từ 6‰ (cấp 3-5) trong điều kiện nhân tạo và chịu mặn ngoài đồng 3-4‰.	Canh tác các vụ trong năm, thích hợp cho vùng sinh thái ĐBSCL và vùng nhiễm mặn.
2.	OM6162	95-100	6-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 3-5) và rầy nâu (cấp 4-6) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Vùng phù sa đến vùng nhiễm phèn và mặn.
3.	OM6976	95-97	6-9	Phản ứng với đạo ôn (cấp 4) và rầy nâu (cấp 3) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo, ít bị bệnh VL-LXL, chịu mặn từ 3-4 ‰, chịu phèn khá tốt.	Canh tác được các vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở ĐBSCL.
4.	OM9577	97-102	5-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 5) và rầy nâu (cấp 4) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo. Giống có khả năng chịu mặn với nồng độ từ 3-4‰ điều kiện ngoài đồng.	Từ vùng phù sa đến vùng nhiễm phèn, mặn

5.	OM9582	95-100	5-9	Phản ứng với bệnh vàng lùn trung bình, đạo ôn (cấp 6) và rầy nâu (cấp 3-5) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo, chịu mặn từ 2-3‰ giai đoạn mạ và đòng trổ ngoài đồng.	Các vụ trong năm, thích nghi với vùng sinh thái phèn và mặn từ 2-3‰.
6.	OM18	95-100	5-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 2) và rầy nâu (cấp 5) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Từ vùng phù sa đến vùng nhiễm phèn, mặn
7.	OM11735	92-97	6-9	Phản ứng với đạo ôn (cấp 5) và rầy nâu (cấp 3) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo. Giống có khả năng chịu mặn từ 2-4‰ giai đoạn mạ và đòng trổ ngoài đồng.	Canh tác được các vụ trong năm
8.	OM429	88-95	6-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 3) và rầy nâu (cấp 5) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo. Giống có khả năng chống chịu mặn ở nồng độ từ 3-4‰ trong điều kiện ngoài đồng.	Vùng sinh thái mặn điển hình với độ mặn từ 3-4‰ và cả 3 vụ ở các tỉnh ĐBSCL.
9.	OM8	92-97	6-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 7), với rầy nâu (cấp 5) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo, chống chịu mặn khá.	
10.	OM3	98-105	6-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 3-5), với rầy nâu (cấp 3-7) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Các vụ trong năm và các vùng sinh thái nhiễm mặn ở ĐBSCL.
11.	OM20	100-105	6-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 5) và rầy nâu (cấp 4) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Các vụ trong năm, thích hợp trên những vùng đất phù sa ngọt hoặc hơi nhiễm mặn.
12.	OM344	95-100	6-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 5) và rầy nâu (cấp 5) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Các vụ trong năm vùng ĐBSCL.
13.	OM468	87-97	5-8	Phản ứng với đạo ôn (cấp 1-3) và rầy nâu (cấp 5-7) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Canh tác được 3 vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở ĐBSCL.
14.	OM34	88-93	6-9	Phản ứng với rầy nâu (cấp 3), đạo ôn (cấp 7) và bạc lá (cấp 3) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Các vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở ĐBSCL.
15.	OM380	85-90	6,5-8,5	Chống chịu trung bình khá với một số loại sâu bệnh hại chính.	Các vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở ĐBSCL.
16.	OM4900	95-100	6-8	Chống chịu trung bình khá với một số loại sâu bệnh hại chính. Phản ứng với rầy nâu (5) và đạo ôn (cấp 5-7) trong điều kiện thanh lọc nhân tạo.	Các vụ trong năm và thích hợp cho các vùng sinh thái ở ĐBSCL và Đông Nam Bộ.



VIỆN LÚA ĐBSCL

Kỹ thuật nuôi thuỷ sản thích ứng với hạn, mặn VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



1. Kỹ thuật quản lý ao nuôi tôm nước lợ

Quy trình áp dụng cho mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú công nghiệp trong giai đoạn nắng nóng cực đoan kết hợp độ mặn nội đồng tăng cao vượt ngưỡng 35‰.

Bước 1: Ổn định cấu trúc cột nước và chống phân tầng nhiệt độ

Để duy trì vùng đệm nhiệt an toàn cho tôm, mực nước ao nuôi phải luôn duy trì tối thiểu từ 1,3 - 1,5 m. Chế độ vận hành quạt nước liên tục từ 10h00 - 15h00 nhằm xáo trộn cột nước để phá vỡ sự phân tầng nhiệt độ, ngăn chặn hiện tượng lớp nước bề mặt quá nóng trong khi lớp nước đáy lạnh; hệ thống sục khí đáy (sục khí nén đĩa xốp) hoạt động từ 22h00 - 05h00 sáng hôm sau để đảm bảo hàm lượng oxy hòa tan luôn đạt > 5 mg/l và hỗ trợ vi sinh vật hiếu khí phân hủy chất thải.

Tuyệt đối không lấy nước trực tiếp từ kênh rạch vào ao nuôi trong cao điểm hạn, mặn; chỉ cấp bổ sung nước đã qua xử lý lắng lọc, diệt khuẩn bằng Chlorine (30 ppm) và đã được lưu giữ ổn định tại ao lắng tối thiểu 7 ngày.

Bước 2: Kiểm soát nghiêm ngặt chế độ dinh dưỡng và sức đề kháng

Khi nhiệt độ nước ao đạt ≥ 32^{0}C hoặc độ mặn vượt 35‰, chủ động cắt giảm từ 30 - 50% tổng lượng thức ăn theo định mức. Trường hợp nhiệt độ nước ao vượt 34^{0}C, ngừng cho tôm ăn cữ trưa. Do tôm là động vật biến nhiệt, khi nhiệt độ nước vượt ngưỡng sinh lý, quá trình tiêu hóa bị ngưng trệ, thức ăn dư thừa sẽ phân hủy nhanh chóng làm bùng phát khí độc.

Nâng cao sức đề kháng cho tôm bằng cách phối trộn định kỳ vào thức ăn các hoạt chất sinh học hỗ trợ: Vitamin C liều lượng 5-10 g/kg thức ăn giúp chống ô-xy hóa và giảm căng thẳng sinh lý; Beta-glucan giúp kích thích hệ miễn dịch tự nhiên của tôm; Khoáng chất vi lượng và đa lượng hòa tan (Ca^{2+}, Mg^{2+}, K^{+}) bổ sung liên tục để cân bằng áp suất thẩm thấu do độ mặn cao, hỗ trợ tôm nhanh cứng vỏ sau khi lột và triệt tiêu hiện tượng bó vỏ.

Bước 3: Quản lý sinh học (tảo, khí độc và vi khuẩn gây hại)

Tăng tần suất lên 2 ngày/lần cấy chế phẩm sinh học chứa các dòng vi khuẩn Bacillus spp. và Lactobacillus spp., thực hiện vào khung giờ từ 8h - 9h. Hệ vi sinh này sinh trưởng mạnh sẽ cạnh tranh dinh dưỡng với tảo độc, đồng thời đẩy nhanh quá trình phân hủy mùn bã hữu cơ tại đáy ao.

Khi tảo độc phát triển mạnh khiến nước ao chuyển sang màu xanh lục đậm, sử dụng vôi Dolomite ($CaMg(CO_3)_2$) hoặc Canxi carbonate ($CaCO_3$) với liều 20-30 kg/1.000 m^3 tạt vào buổi đêm (22h) để lắng tụ chất lơ lửng và kiềm hãm sự quang hợp của tảo. Ngoài ra, có thể tạt mật đường kết hợp vi sinh ủ yếm khí vào lúc 23h để hạ chỉ số pH và cân bằng tỷ lệ Carbon/Nitơ.

Định kỳ 3 ngày/lần, sử dụng đĩa thạch TCBS để kiểm tra mật độ vi khuẩn Vibrio trong nước. Nếu mật độ vi khuẩn Vibrio hại vượt ngưỡng an toàn (> 10^2CFU/ml), tiến hành diệt khuẩn bằng PVP-Iodine (1 lít/1.000 m^3) hoặc BKC liều nhẹ vào buổi tối, sau đó 24 giờ bắt buộc phải cấy lại vi sinh dòng cao.

2. Kỹ thuật quản lý vùng nuôi cá tra

Kế hoạch này áp dụng cho tiểu vùng ngọt hóa thượng nguồn và giữa nguồn, gồm An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ và Long An (cũ) nhằm duy trì chuỗi sản xuất cá tra trước nguy cơ mực nước sông xuống thấp kỷ lục và rủi ro dịch bệnh mùa nóng.

- Chuẩn bị hạ tầng và điều chỉnh mật độ thả nuôi (tháng 10-12/2026)

Các cơ sở nuôi phải hoàn thành việc nạo vét triệt để ao lắng và ao dự phòng nước ngọt. Mực nước trữ tại ao lắng phải đạt độ sâu > 3,5 m để tối đa hóa dung tích chứa ngọt. Đối với các lứa cá thả mới trong giai đoạn này, bắt buộc điều chỉnh giảm mật độ thả nuôi xuống còn 40 - 50 con/m^2 (thay vì 60 - 80 con/m^2 như thông thường) nhằm giảm tải nhu cầu tiêu thụ ô-xy vào ban đêm và hạn chế ô nhiễm hữu cơ.

- Quy trình cấp và thay nước thích ứng

Chế độ thay nước định kỳ 3 - 5 ngày/lần, tỷ lệ thay không vượt quá 15%-20% thể tích nước ao cho mỗi lần. Chỉ lấy nước vào ao lắng tại thời điểm đỉnh triều cường (nước lớn) khi hàm lượng phù sa cao và độ mặn đạt chuẩn (< 0,5‰). Nước sông lấy vào ao lắng phải được xử lý diệt khuẩn bằng Chlorine nồng độ 20 - 30 ppm (20 - 30 kg/1.000 m^3) và quạt khí 3 ngày để phân hủy hết hóa chất trước khi đưa vào ao nuôi cá.

- Quản lý sức khỏe đàn cá và phòng trừ dịch bệnh mùa nóng

Định kỳ 5 - 7 ngày/đợt, bổ sung Vitamin C (3 - 5 g/kg thức ăn) kết hợp các hoạt chất bổ gan (Sorbitol, Methionine) để tăng cường chức năng giải độc gan tụy. Nhiệt độ nước ao duy trì > 30^{0}C là điều kiện phát sinh bệnh Gan thận mủ (Edwardsiella ictaluri) và bệnh Xuất huyết. Do đó, khi nhiệt độ nước ao ≥ 32^{0}C, phải chủ động giảm 20 - 30% lượng thức ăn hằng ngày và tuyệt đối không cho cá ăn quá no vào cữ trưa.

- Giải pháp cách ly khẩn cấp khi nguồn nước bị nhiễm mặn

Khi quan trắc ghi nhận độ mặn trên hệ thống sông cấp đạt ngưỡng ≥ 2‰, toàn bộ trang trại phải lập tức kích hoạt kịch bản cách ly khẩn cấp:

- Đóng chặt tất cả các cống cấp và thoát nước, đắp đập tạm cách ly hoàn toàn hệ thống ao nuôi với môi trường bên ngoài.

- Cắt giảm 80% lượng thức ăn đưa xuống ao để tránh dư thừa phân hủy gây ô nhiễm.

- Sử dụng vôi nung (CaO) liều lượng 10-20 kg/1.000 m^3 hoặc Zeolite để ổn định chỉ số môi trường và hấp phụ khí độc NH_3 sinh ra tại đáy ao.

- Vận hành máy bơm tuần hoàn nước kín giữa ao nuôi và ao lắng (nước ao nuôi rút sang ao lắng xử lý vi sinh rồi bơm trả lại ao nuôi).

3. Quy trình phục hồi sản xuất sau hạn, mặn (giai đoạn nước ngọt trở lại)

- Cơ chế ngộ độc do hiện tượng "xì phèn/mặn" đầu mùa mưa:

Trong suốt mùa khô, phơi đáy ao dưới nắng gắt làm các hợp chất sắt pyrite (FeS_2) bị ô-xy hóa thành các muối sulfat sắt và sulfat nhôm. Khi mưa đầu mùa xuất hiện hoặc khi dẫn nước ngọt trở lại, lượng acid ☞

và muối đọng trong lòng đất sẽ bị sức mao dẫn đẩy ngược lên bề mặt ao (hiện tượng xì phèn/mặn). Quá trình này làm pH nước giảm đột ngột (< 5,5), hàm lượng ion kim loại độc hại tăng cao, làm tôm cá rớt đáy hoặc nổi đầu chết hàng loạt nếu xuống giống ngay.

- Quy trình 3 bước phục hồi ao nuôi:

+ Bước 1: Xả phèn và rửa mặn đáy ao triệt để. Tháo cạn toàn bộ nước cũ, cày xới nhẹ lớp đất đáy và rải vôi nông nghiệp ($CaCO_3$) hoặc vôi nung (CaO) với liều lượng 500-1.000 kg/ha. Bơm nước ngọt mới vào ngâm ao từ 2-3 ngày để hòa tan phèn và muối tồn dư, sau đó tháo cạn hoàn toàn ra kênh tiêu. Lặp lại quy trình rửa ao từ 2-3 lần cho đến khi pH đất đạt > 6,5 và độ mặn đất hạ xuống < 2‰. Tuyệt đối không nôn nóng xuống giống ngay khi vừa có giọt mưa đầu mùa.

+ Bước 2: Tái tạo hệ sinh thái môi trường nước. Tạt chế phẩm sinh học chứa bào tử nấm Trichoderma spp. và vi khuẩn Bacillus spp. để phân hủy gốc phèn hữu cơ và tái tạo vi sinh vật có lợi cho đất. Dẫn nước ngọt mới qua ao lắng đã xử lý vào ao nuôi. Tiến hành gây màu nước sinh học bằng hỗn hợp mật đường, vi sinh và cám gạo ủ yếm khí 24 giờ tạt đều ao để phát triển tảo khuê, duy trì độ trong từ 30 - 40 cm.

+ Bước 3: Kiểm tra chỉ tiêu sinh học và thả giống an toàn. Kiểm tra toàn bộ thông số môi trường: pH (7,5 - 8,5), độ kiềm (120 - 150 mg/l $CaCO_3$), oxy hòa tan (> 5 mg/l), NH_3 < 0,1 mg/l, H_2S = 0. Thực hiện thử tải sinh học bằng cách thả 100 con tôm/cá giống trong lồng lưới đặt tại ao nuôi trong 48 giờ. Nếu tỷ lệ sống đạt 100% và động vật phản xạ bắt mồi tốt mới tiến hành xuống giống chính thức.

4. Phân vùng địa lý thủy văn và định hướng thích ứng tiểu vùng

Để chỉ đạo sản xuất sát với thực tế, các giải pháp kỹ thuật cần được phân định rõ theo 3 tiểu vùng sinh thái thủy văn đặc trưng của ĐBSCL:

Tiểu vùng địa lý và địa bàn áp dụng	Đặc trưng của rủi ro	Kỹ thuật nuôi
1. Bán đảo Cà Mau *(Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang - tên cũ, trước khi sáp nhập)*	Hạn hán nghiêm trọng, không có nguồn nước ngọt bổ sung, độ mặn nội đồng tăng cực cao (> 36‰).	Tuyệt đối không lấy nước ngoài sông vào ao nuôi từ tháng 02 - tháng 4/2027. Chuyển 100% diện tích sang mô hình tuần hoàn nước cũ bằng vi sinh xử lý nội bộ.
2. Cửa sông Cửu Long *(Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang, Đông Sóc Trăng - tên cũ, trước khi sáp nhập)*	Mặn xâm nhập sâu theo triều cường (ranh mặn 4‰ lấn sâu 60 - 80 km). Biến động môi trường nước trong ngày rất lớn.	Thiết lập các trạm quan trắc đo mặn tự động theo giờ. Khi sông bị nhiễm mặn, đóng cống cách ly tuyệt đối và chuyển sang chạy nước tuần hoàn nội bộ.
3. Thượng và Giữa nguồn *(An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An - tên cũ, trước khi sáp nhập)*	Mực nước sông thấp kỷ lục, ô nhiễm hữu cơ cục bộ do lưu tốc dòng chảy suy giảm.	Chống ngạt và phòng bệnh mùa nóng. Giảm 20% mật độ lồng bè trên sông, vệ sinh lưới bạt thông thoáng và duy trì mực nước ao cá tra > 3 m.



BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG VÀ KIỂM SOÁT
Bệnh dịch tả lợn châu Phi

Tính đến tháng 10/2026, bệnh Dịch tả lợn châu Phi đang tái bùng phát và diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương trên cả nước. Để nâng cao nhận thức cho cán bộ khuyến nông, người chăn nuôi về bệnh dịch tả lợn châu Phi, Bản tin Khuyến nông Việt Nam giới thiệu một số biện pháp phòng bệnh như sau:

1. Đặc điểm chung

Dịch tả lợn châu Phi là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm do vi - rút gây ra. Bệnh phát sinh ở mọi lứa tuổi và ở các loài lợn. Bệnh gây thiệt hại nghiêm trọng với tỷ lệ chết cao lên đến 100%. Vi -rút gây ra bệnh có sức đề kháng cao trong môi trường. Lợn khỏi bệnh có khả năng mang vi rút trong thời gian dài, có thể là vật chủ mang trùng suốt đời, do vậy rất khó khăn trong việc loại trừ được bệnh nếu để xảy ra bệnh dịch.

2. Quá trình gây bệnh và lây lan vi - rút

- Thời gian ủ bệnh: 3 - 15 ngày, thể cấp tính ủ bệnh 3 - 4 ngày.

- Vi - rút lây nhiễm qua đường hô hấp và tiêu hóa, thông qua tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với các vật thể nhiễm vi - rút như giống, chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ, đồ dùng, quần áo nhiễm vi - rút và ăn thức ăn thừa chứa thịt lợn nhiễm bệnh hoặc bị ve mềm cắn, ...



3. Triệu chứng, bệnh tích

a. Chẩn đoán lâm sàng

Thể quá cấp tính là do vi - rút có độc lực cao, lợn sẽ chết nhanh, không biểu hiện triệu chứng hoặc sốt cao 40,5 - 42^{0}C trước khi chết. Trong 2 - 3 ngày đầu tiên, giảm bạch cầu và giảm tiểu cầu. Lợn không ăn, lười vận động, ủ rũ, nằm chồng đống, thích nằm chỗ có bóng râm hoặc gần nước. Lợn có biểu hiện đau vùng bụng, lưng cong, di chuyển bất thường, một số vùng da trắng chuyển sang màu đỏ. Đặc biệt ở vành tai, đuôi, cẳng chân, da phần dưới vùng ngực và bụng, có thể có màu



Lợn bị xuất huyết tại các vùng da mỏng do bệnh dịch tả lợn châu Phi

sẫm xanh tím. Khoảng 1 - 2 ngày trước khi con vật chết, có triệu chứng thần kinh, di chuyển không vững, nhịp tim nhanh, thở gấp, khó thở hoặc có bọt lẫn máu ở mũi, viêm mắt, nôn mửa, tiêu chảy đôi khi lẫn máu hoặc có thể táo bón, phân cứng đóng viên kích thước nhỏ, có chất nhầy và máu. Lợn sẽ chết trong vòng 6 - 13 hoặc 20 ngày.

Lợn mang thai có thể sẩy thai ở mọi giai đoạn. Tỷ lệ chết lên tới 100%. Lợn khỏi bệnh hoặc nhiễm vi - rút thể mạn tính thường không có triệu chứng, nhưng chúng sẽ là vật chủ mang vi - rút dịch tả lợn châu Phi suốt đời.

b. Bệnh tích

- Thể cấp tính: Xuất huyết nhiều ở các hạch lympho trong dạ dày, gan và thận. Thận có xuất huyết điểm, lá lách to có nhồi huyết. Da có màu tối và phù nề, da vùng bụng và chân có xuất huyết. Có nhiều nước tích tụ xung quanh tim và trong xoang ngực hoặc xoang bụng, có các điểm xuất huyết trên nắp thanh quản, bàng quang và bề mặt các cơ quan bên trong; phù nề trong cấu

trúc hạch lâm ba của đại tràng và phần tiếp giáp với túi mật, túi mật sưng.

- Thể mạn tính: Có thể xơ cứng phổi hoặc có các ổ hoại tử hạch, hạch phổi sưng, viêm dính màng phổi.

4. Phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi

a. Thực hiện an toàn sinh học: Người chăn nuôi thực hiện nghiêm túc 3 nguyên tắc sau:

* Thứ nhất: Cách ly và kiểm soát vào, ra khu vực chăn nuôi (trại chăn nuôi).

- Tách biệt giữa các trại chăn nuôi, khu vực chăn nuôi với khu vực sinh sống của con người và động vật khác. Cách ly bằng cách xây dựng tường, hàng rào, vách ngăn giữa các khu vực, có biển cảnh báo. Cách ly về thời gian giữa các lứa nuôi.

- Kiểm soát đối tượng ra vào trại: giống lợn nhập nuôi, con người, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, thức ăn, nước uống, động vật, côn trùng...

* Thứ 2: vệ sinh làm sạch.

- Vệ sinh sạch sẽ hàng ngày tại khu vực chăn nuôi để đảm bảo loại bỏ mầm bệnh.

- Thường xuyên vệ sinh trước và sau khi ra vào trại: Phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ; quần áo, giày dép, tay chân của người ra vào trại; chuồng nuôi; máng ăn, máng uống,...

* Thứ ba: khử trùng:

- Thường xuyên khử trùng phương tiện vận chuyển, quần áo, dụng cụ (bơm, kim tiêm,...) trước khi vào trại. Định kỳ khử trùng chuồng trại, dụng cụ đã sử dụng (máng ăn, máng uống, khay trứng...), quần áo và giày dép của người làm trong trại, chuồng nuôi (cả bên trong và bên ngoài), tổng vệ sinh, khử trùng sau khi kết thúc mỗi lứa.

- Nguyên tắc phun khử trùng:

+ Phun khử trùng sau khi đã làm vệ sinh sạch sẽ.

+ Chỉ sử dụng các chất khử trùng được khuyến cáo, pha dung dịch khử trùng đúng nồng độ (theo chỉ dẫn của nhà sản xuất), đảm bảo thời gian tiếp xúc ít nhất 10 phút với bề mặt sạch.

+ Đảm bảo an toàn cho người làm, lợn con và lợn nái sinh sản.

+ Phun xuôi chiều gió, trường hợp phun khi có lợn trong chuồng thì phun từ đằng sau ra trước lợn, tránh phun hoá chất vào mặt của lợn.

+ Phun từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.

+ Phun theo hình chữ Z, lượt sau phun đè lên một phần của lượt trước để thuốc thấm đều lên toàn bộ bề mặt cần khử trùng.

b. Tiêu hủy bắt buộc đối với lợn bệnh, sản phẩm lợn bệnh, nghi bị bệnh dịch tả lợn châu Phi

- Không điều trị lợn bệnh, lợn nghi mắc bệnh dịch tả lợn châu Phi.

- Trường hợp 01 ổ dịch là hộ chăn nuôi, gia trại, cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ không có dãy chuồng riêng biệt hoặc chợ, điểm buôn bán lợn, sản phẩm lợn, cơ sở giết mổ lợn: Đối với các địa phương lần đầu tiên phát hiện lợn bị bệnh dịch tả lợn châu Phi buộc phải tiêu hủy toàn đàn trong vòng 24 giờ kể từ khi có kết quả xét nghiệm khẳng định dương tính với bệnh. Việc tiêu hủy cũng được áp dụng đối với các đàn lợn liền kề với đàn lợn dương tính nhưng chưa được lấy mẫu xét nghiệm.

Tại vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp, trong vòng 48 giờ việc tiêu hủy được áp dụng với đàn lợn bị bệnh có triệu chứng lâm sàng của dịch tả lợn châu Phi mà không nhất thiết phải chờ có kết quả xét nghiệm.

- Đối với chăn nuôi trang trại số lượng lớn có nhiều dãy chuồng riêng biệt thì tiêu hủy toàn bộ lợn trong chuồng, dãy chuồng có lợn bệnh; các dãy chuồng còn lại áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và lấy mẫu giám sát định kỳ. Nếu phát hiện dương tính hoặc xét thấy có nguy cơ lây nhiễm cao thì tiêu hủy toàn trang trại.







Kiểm soát đối tượng ra, vào khu vực chăn nuôi

- Nguyên tắc tiêu hủy:

+ Phải làm chết động vật bằng điện hoặc phương pháp khác (nếu có) trước khi thực hiện tiêu hủy.

+ Địa điểm tiêu hủy: phải theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch.

+ Phương tiện, dụng cụ được sử dụng để vận chuyển phụ phẩm và sản phẩm khác đến địa điểm tiêu hủy phải có sàn kín; phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau khi vận chuyển đến địa điểm tiêu hủy; người tham gia vào quá trình tiêu hủy lợn bệnh, nghi lợn bệnh cần phải thực hiện vệ sinh, sát trùng để tránh làm lây lan mầm bệnh.

- Biện pháp tiêu hủy:

+ Chôn lấp.

+ Biện pháp đốt: Đốt bằng lò chuyên dụng hoặc đốt thủ công bằng cách đào hố, cho bao chứa xác động vật, sản phẩm động vật vào hố và đốt bằng củi, than, rơm, rạ, xăng, dầu,...; sau đó lấp đất và nện chặt.

- Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật đến địa điểm tiêu hủy:

+ Trường hợp địa điểm tiêu hủy ở ngoài khu vực có ổ dịch, xác động vật, sản phẩm động vật phải được cho vào bao, buộc chặt miệng bao và tập trung bao chứa vào một chỗ để phun khử trùng trước khi vận chuyển; trường hợp động vật lớn không vừa bao chứa phải sử dụng tấm nilon hoặc vật liệu chống thấm khác để lót bên trong (đáy và xung quanh) thùng của phương tiện vận chuyển.

+ Phương tiện vận chuyển xác động vật, sản phẩm động vật phải có sàn kín để không làm rơi vãi các chất thải trên đường đi.

+ Phương tiện vận chuyển xác động vật, sản phẩm động vật phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y ngay trước khi vận chuyển và sau khi bỏ bao chứa xuống địa điểm tiêu hủy hoặc dời khỏi khu vực tiêu hủy.

- Quy cách hố chôn

+ Hố chôn phải cách nhà dân, giếng nước, khu chuồng nuôi động vật tối thiểu 30m và có đủ diện tích; nên chọn nơi chôn trong vườn (tốt nhất là vườn cây ăn quả hoặc lấy gỗ).

+ Hố chôn phải đủ rộng phù hợp với khối lượng động vật, sản phẩm động vật và chất thải cần chôn. Ví dụ nếu cần chôn 01 tấn động vật thì hố chôn cần có kích thước là sâu 1,5 - 2m x rộng 1,5 - 2m x dài 1,5 - 2m.

- Các bước chôn lấp

Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi /m^2, cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

- Quản lý hố chôn:

+ Hố chôn xác động vật phải có biển cảnh báo người ra vào khu vực.

+ Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, tổ chức kiểm tra định kỳ và xử lý kịp thời các sự cố sụt, lún, xói mòn, rò rỉ, bốc mùi của hố chôn.

+ Địa điểm chôn lấp phải được đánh dấu trên bản đồ của xã, ghi chép và lưu giữ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trường hợp thuê các tổ chức, cá nhân khác thực hiện tiêu hủy, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương tổ chức giám sát việc thực hiện, bảo đảm tuân thủ kỹ thuật theo quy định.

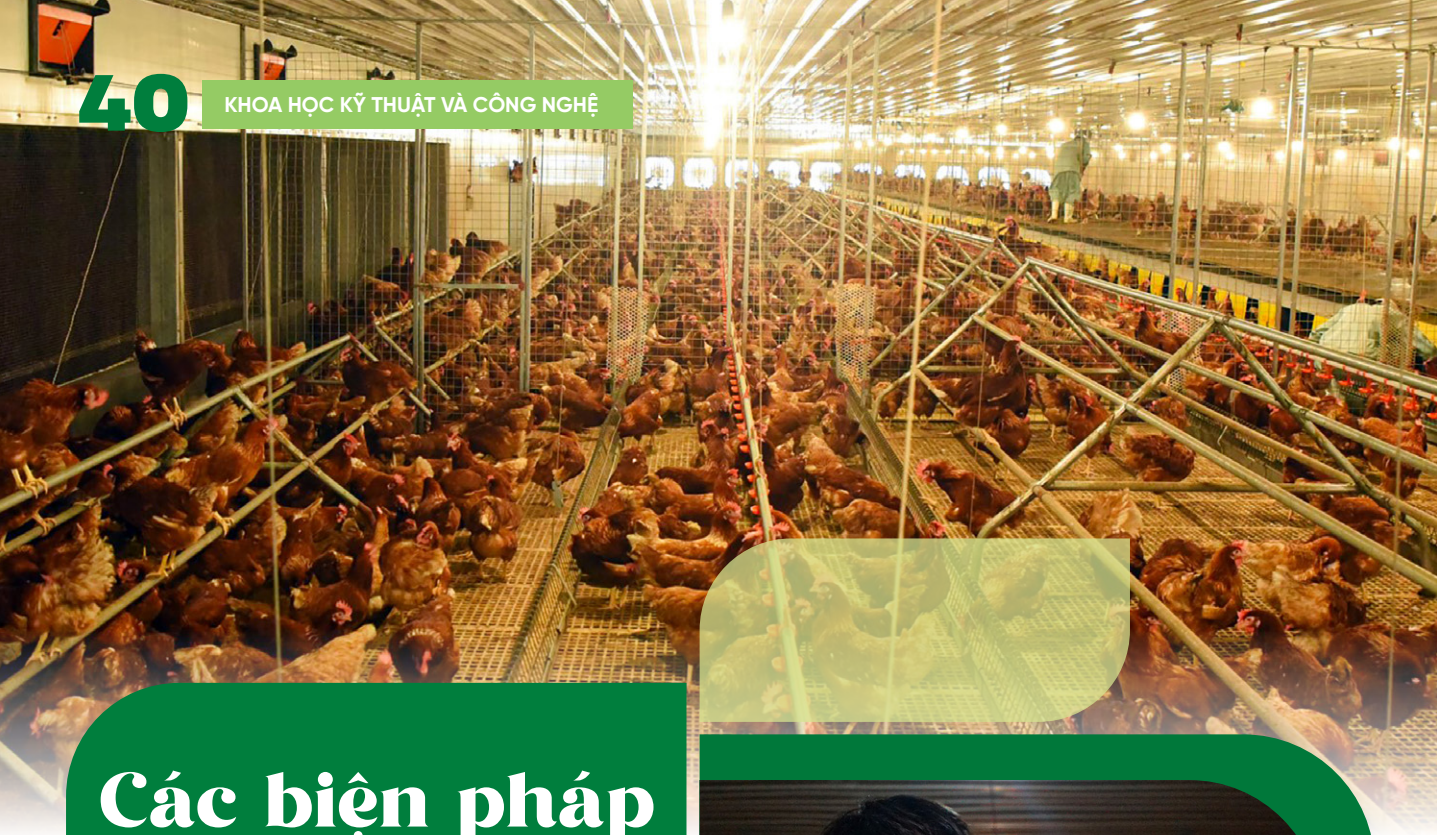


Đưa xác lợn chết do bệnh lên phương tiện vận chuyển đến vị trí chôn lấp



Thực hiện biện pháp kỹ thuật, rạch bụng xác lợn chết tránh tình trạng sinh hơi gây nổ hố chôn

NGUYỄN VĂN HƯỞNG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



Các biện pháp tăng tỷ lệ nở ĐỐI VỚI TRỨNG GIA CẦM



Tỷ lệ nở là chỉ tiêu quan trọng trong chăn nuôi gia cầm sinh sản, phản ánh hiệu quả của cả quá trình từ chọn giống, thu gom trứng, bảo quản, ấp và quản lý nhiệt - ẩm. Một sai sót nhỏ trong khâu kỹ thuật có thể dẫn đến tỷ lệ nở thấp, phôi chết nhiều hoặc con non yếu.

1. Chọn và thu gom trứng ấp

Chất lượng trứng quyết định đến 80% kết quả ấp nở. Trứng ấp phải được chọn từ đàn bố mẹ khỏe mạnh, không mang mầm bệnh, được nuôi dưỡng bằng khẩu phần cân đối vitamin A, E, khoáng và axit amin thiết yếu. Trứng dùng để ấp nên có hình bầu dục cân đối, vỏ dày đều, không nứt, không bẩn, khối lượng phù hợp tiêu chuẩn từng loài (gà 50 - 60 g, vịt 65 - 75 g, cút 10 - 12 g...).

Thời gian thu trứng nên tiến hành 3 - 4 lần/ngày để hạn chế nứt vỏ, tránh để trứng tiếp xúc với nhiệt độ môi trường quá cao làm phát triển phôi sớm. Sau khi thu, trứng cần được bảo quản trong

phòng sạch, thoáng, nhiệt độ 18 - 22°C, ẩm độ 70 - 80%, và nên đưa vào ấp trong vòng 5 - 7 ngày để đạt tỷ lệ nở cao nhất.

2. Bảo quản và xử lý trứng trước khi ấp

Trong quá trình bảo quản, trứng cần được xếp đầu to lên trên, nghiêng định kỳ 1 - 2 lần/ngày để tránh dính phôi vào vỏ. Trước khi đưa vào máy ấp, nên kiểm tra lại ngoại quan, khử trùng trứng bằng hơi formol (tỷ lệ 40 ml formol + 20 g $KMnO_4$/1 m^3 trong 20 phút) hoặc phun dung dịch sát khuẩn nhẹ.

Khâu khử trùng buồng ấp và máy ấp cũng đặc biệt quan trọng. Nhiều cơ sở bỏ qua bước này khiến mầm bệnh như E. coli, Salmonella hay Staphylococcus tồn dư, xâm nhập vào phôi qua lỗ khí, làm giảm tỷ lệ nở và tăng tỷ lệ viêm rốn ở con non.

3. Quản lý kỹ thuật ấp

Nhiệt độ và độ ẩm là hai yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển của phôi.

Gà: Giai đoạn đầu (1 - 10 ngày) ấp ở 37,8 - 38°C, ẩm độ 60%; giai đoạn giữa (11 - 17 ngày) giảm còn 37,5°C, ẩm độ 55%; giai đoạn cuối (18 - 21 ngày) duy trì 37,2°C và ẩm độ 65 - 70%.



Vịt: Ấp ở 37,5°C, ẩm độ 65 - 70%, đến ngày 25 tăng lên 70 - 75% để hỗ trợ nở.

Chim cút: Ấp 37,7 - 38°C, ẩm độ 55 - 60% trong 14 ngày đầu, sau đó tăng 65% đến khi nở.

Trứng phải được đảo đều 6 - 8 lần/ngày trong 2/3 thời gian đầu ấp để tránh dính phôi. Không đảo trứng trong 3 ngày cuối để phôi định vị và nở thuận lợi. Bên cạnh đó, phải đảm bảo thông khí tốt, tránh nồng độ CO_2 vượt quá 0,5% vì sẽ làm phôi ngạt và chết non.

4. Soi trứng và loại thải

Việc soi trứng giúp đánh giá sự phát triển của phôi và kịp thời loại bỏ trứng hỏng. Lần soi thứ nhất (ngày 6 - 7 đối với gà) để phát hiện trứng không có phôi hoặc phôi chết sớm; lần thứ hai (ngày 14 - 16) nhằm xác định phôi chết giữa kỳ; và lần thứ ba trước khi chuyển nở để loại phôi yếu. Trứng soi đúng kỹ thuật giúp giảm nguy cơ nứt vỏ, nhiễm khuẩn và tiết kiệm năng lượng ấp.

5. Giai đoạn nở và chăm sóc con non

Khi phôi mổ vỏ, cần giữ ổn định nhiệt độ và ẩm độ, tránh mở máy nhiều lần làm hạ nhiệt đột ngột. Sau khi nở, con non được để khô lông trong máy ấp khoảng 2 - 3 giờ rồi chuyển sang chuồng úm đã được sưởi ấm sẵn (32 - 34°C).

Cần kiểm tra và loại bỏ con non bị dị tật, hở rốn, dính lòng đỏ hoặc yếu ớt. Việc cho uống nước pha điện giải, Vitamin C và men tiêu hóa trong 24 giờ đầu giúp phục hồi sức nhanh, giảm chết non.

6. Phòng ngừa bệnh trong ấp

Nguồn bệnh chủ yếu đến từ trứng bẩn, máy ấp không được khử trùng kỹ hoặc nhân viên thao tác không đảm bảo vệ sinh. Do đó, cần duy trì quy trình khử trùng định kỳ, trang bị găng tay, khẩu trang khi xử lý trứng và vệ sinh máy ấp bằng dung dịch sát khuẩn sau mỗi đợt ấp. Định kỳ kiểm tra nguồn nước làm mát và không khí trong phòng ấp, đảm bảo không chứa hơi độc hay bụi bẩn. Việc duy trì môi trường sạch giúp hạn chế tối đa các bệnh như viêm rốn, viêm túi noãn hoàng và nhiễm trùng huyết ở con non.

Hệ thống lọc tuần hoàn trong nuôi trồng thủy sản - Recirculating Aquaculture Systems (RAS), là phương pháp nuôi trồng thủy sản tiên tiến sử dụng chu trình để xử lý và tái sử dụng nước nuôi. Hệ thống này đóng vai trò như một "nhà máy xử lý nước" thu nhỏ, giúp biến đổi nước thải từ bể nuôi thành nguồn nước sạch để tiếp tục sử dụng cho quá trình nuôi trồng.



Hệ thống lọc tuần hoàn TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1. Các bước xử lý của hệ thống lọc tuần hoàn:

- Lọc cơ học: Loại bỏ các chất rắn lơ lửng trong nước thải như thức ăn thừa, phân cá, tảo chết...

- Lọc sinh học: Sử dụng vi sinh vật có lợi để phân hủy các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải như amoniac, nitrit, nitrat...

- Khử trùng: Tiêu diệt vi sinh vật gây hại và mầm bệnh trong nước thải bằng các phương pháp như sử dụng tia UV, ozone, hóa chất khử trùng...

Sau khi trải qua các bước xử lý trên, nước thải sẽ được khử trùng và trở thành nguồn nước sạch để tái sử dụng cho bể nuôi. Quá trình này diễn ra liên tục, đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch và duy trì môi trường nuôi ổn định cho thủy sản nuôi.

2. Lợi ích của hệ thống lọc tuần hoàn so với các phương pháp nuôi trồng thủy sản truyền thống:

- Tiết kiệm nước: Hệ thống có thể tái sử dụng tới 90% lượng nước, giảm thiểu nhu cầu lấy nước từ môi trường tự nhiên, đặc biệt hữu ích cho khu vực khan hiếm nước.

- Giảm ô nhiễm môi trường: Chất thải được xử lý hiệu quả, hạn chế phát thải ra môi trường, góp phần bảo vệ nguồn nước và hệ sinh thái.

- Kiểm soát tốt hơn chất lượng nước: Hệ thống giúp duy trì môi trường nuôi ổn định, kiểm soát tốt các thông số chất lượng nước như độ pH, độ amoniac, nitrit, nitrat, o-xy hòa tan, v.v., tạo điều kiện lý tưởng cho cá phát triển khỏe mạnh.

- Tăng năng suất và hiệu quả nuôi trồng: Cá được nuôi trong môi trường nước sạch, ít dịch bệnh, tỷ lệ sống sót cao, tốc độ tăng trưởng nhanh, dẫn đến năng suất và hiệu quả nuôi trồng cao hơn.

- Nuôi trồng thủy sản bền vững: Hệ thống lọc tuần hoàn góp phần thúc đẩy ngành nuôi trồng thủy sản phát triển theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường và đáp ứng nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng của con người.

3. Các thành phần chính của hệ thống lọc tuần hoàn

- Bể nuôi: là nơi chứa thủy sản và nước nuôi, đóng vai trò như "trái tim" của hệ thống RAS. Bể nuôi có thể

được làm bằng nhiều loại vật liệu khác nhau như bê tông, nhựa, composite... Bên trong bể nuôi được trang bị các thiết bị cần thiết như hệ thống cung cấp khí, hệ thống sục khí, hệ thống thức ăn tự động... để đảm bảo môi trường sống tối ưu cho thủy sản.

- Hệ thống thu gom nước thải: Hệ thống này thường sử dụng các thiết bị như ống hút, máng thu... để thu gom nước thải một cách hiệu quả, sau đó sẽ được chuyển đến các bộ phận xử lý tiếp theo trong hệ thống RAS.

- Hệ thống lọc cơ học: Là bước đầu tiên trong quá trình xử lý nước thải, có nhiệm vụ loại bỏ các chất rắn lơ lửng trong nước thải như thức ăn thừa, phân cá, tảo chết.... Hệ thống này thường sử dụng các thiết bị như lưới lọc, sàng lọc, bể lắng... để loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn hơn 100 µm. Nước thải sau khi qua hệ thống lọc cơ học sẽ trở nên trong hơn và được chuyển đến các bộ phận xử lý tiếp theo.

- Hệ thống lọc sinh học: Đóng vai trò quan trọng trong việc phân hủy các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải như amoniac, nitrit, nitrat... Hệ thống này sử dụng các giá thể vi sinh như sỏi, đá dăm, bioball.... để tạo môi trường sống cho các vi sinh vật có lợi. Các vi sinh vật này sẽ phân hủy các chất hữu cơ thành các chất dinh dưỡng cho cá và môi trường.

- Hệ thống khử trùng: Có nhiệm vụ tiêu diệt vi sinh vật gây hại trong nước thải, đảm bảo an toàn cho cá và môi trường nuôi. Hệ thống này thường sử dụng các phương pháp như khử trùng bằng tia UV, khử trùng bằng ozone, khử trùng bằng hóa chất. Việc lựa chọn phương pháp khử trùng phù hợp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: quy mô hệ thống, chất lượng nước thải, điều kiện kinh tế...



- Hệ thống bơm và cung cấp khí: có nhiệm vụ duy trì dòng chảy và cung cấp o-xy cho hệ thống RAS. Hệ thống bơm được sử dụng để vận chuyển nước từ bể nuôi đến các bộ phận xử lý và từ các bộ phận xử lý trở lại bể nuôi. Hệ thống cung cấp khí được sử dụng để cung cấp oxy cho cá và vi sinh vật trong hệ thống.

- Hệ thống điều khiển và giám sát: Có nhiệm vụ theo dõi và điều chỉnh các thông số vận hành của hệ thống RAS như lưu lượng nước, nồng độ oxy, nồng độ amoniac, nitrit, nitrat, pH, nhiệt độ... Hệ thống này thường sử dụng các cảm biến, bộ điều khiển và máy tính để thu thập dữ liệu và điều chỉnh các thiết bị trong hệ thống một cách tự động. Việc giám sát và điều khiển hiệu quả các thông số vận hành giúp đảm bảo hệ thống RAS hoạt động ổn định và hiệu quả.

Ngoài các thành phần chính trên, hệ thống RAS còn có thể bao gồm các bộ phận phụ trợ khác như hệ thống lọc than hoạt tính, hệ thống khử nitrat, hệ thống sưởi ấm/làm mát... Lựa chọn các bộ phận phụ trợ phù hợp phụ thuộc vào nhu cầu cụ thể của mỗi hệ thống nuôi trồng.



Nuôi tôm hùm bằng hệ thống lọc tuần hoàn

Hệ thống lọc tuần hoàn (RAS) phù hợp để nuôi các loài thủy sản giá trị cao, phát triển sản xuất tại những nơi có diện tích hạn chế hoặc nguồn nước khan hiếm, ô nhiễm. Công nghệ này giúp kiểm soát chất lượng nước, giảm lượng nước sử dụng, hạn chế dịch bệnh và ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế. Đồng thời, RAS còn được ứng dụng trong ươm giống, nghiên cứu thủy sản, hướng tới phát triển ngành nuôi trồng thủy sản an toàn và bền vững.

BBT







"Gạo Việt xanh phát thải thấp"

được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể

Ngày 23/9/2026, Cục Sở hữu trí tuệ -Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tập thể "Gạo Việt xanh phát thải thấp" cho Hiệp hội Ngành hàng Lúa gạo Việt Nam (VIETRISA).

Nhãn hiệu được đăng ký dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, do Hiệp hội Ngành hàng Lúa gạo Việt Nam làm chủ sở hữu. Đây là dấu mốc quan trọng trong quá trình xây dựng thương hiệu chung cho các sản phẩm gạo được sản xuất theo hướng giảm phát thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả và nâng cao tính minh bạch trong chuỗi giá trị.

Việc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu là cơ sở pháp lý để Hiệp hội tiếp tục hoàn thiện quy chế quản lý, kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu, yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, quy trình sản xuất và ghi nhãn sản phẩm.

Trong thời gian tới, Hiệp hội Ngành hàng Lúa gạo Việt Nam sẽ phối hợp với các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp và hợp tác xã để từng bước mở rộng việc sử dụng nhãn hiệu, gắn với vùng nguyên liệu, hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm tra giảm phát thải. Đây cũng là một trong những cơ sở góp phần thúc đẩy triển khai Đề án phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

Từ giữa năm 2025, Lễ xuất khẩu lô "Gạo Việt xanh, phát thải thấp" đầu tiên của Việt Nam sang Nhật Bản được tổ chức tại Cần Thơ đã đánh dấu bước đi mang tính biểu tượng cho hành trình đưa gạo các-bon thấp Việt Nam vươn ra thị trường thế giới. Việt Nam vì vậy đang được biết đến như nước đầu tiên trên thế giới sản xuất và xuất khẩu gạo các-bon thấp. Đến nay, đã có tổng số trên 70.000 tấn gạo được VIETRISA cấp nhãn hiệu "Gạo Việt xanh phát thải thấp".

Nhãn hiệu tập thể "Gạo Việt xanh phát thải thấp" được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao giá trị hạt gạo Việt Nam, củng cố niềm tin của người tiêu dùng và đối tác quốc tế, đồng thời thúc đẩy các chủ thể trong chuỗi lúa gạo chuyển sang phương thức sản xuất có trách nhiệm, bền vững và thích ứng với yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

BBT

Cá ngừ đại dương

TỪ BIỂN KHƠI ĐẾN NHÀ MÁY









Hối hả
MÙA THU HOẠCH DỨA









www.khuyennongvn.gov.vn
Quét để tải tài liệu